

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Lê Thu Huyền

**NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN TÌNH HÌNH
TỘI CƯỚP GIẠT TÀI SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2018

VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI

Lê Thu Huyền

**NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN TÌNH HÌNH
TỘI CƯỚP GIẠT TÀI SẢN
TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Chuyên ngành: Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm

Mã số: 8.38.01.05

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

PGS.TS. NGUYỄN TẮT VIỄN

HÀ NỘI - 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Kết quả nghiên cứu được trình bày trong luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác. Các số liệu, trích dẫn được sử dụng trong luận văn đảm bảo tính chính xác. Tôi xin chịu trách nhiệm về nội dung công trình nghiên cứu của mình./.

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẠT TÀI SẢN	7
1.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giạt tài sản trên địa bàn Quận 1.....	7
1.2. Phân loại nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giạt tài sản	13
1.3. Cơ chế tác động của các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giạt tài sản	15
1.4. Mối liên hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giạt tài sản với tình hình tội cướp giạt tài sản, với nhân thân người phạm tội cướp giạt tài sản và với hoạt động phòng ngừa.	18
Chương 2: THỰC TRẠNG NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẠT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2013-2017.....	22
2.1. Khái quát tình hình tội cướp giạt tài sản trên địa bàn Quận 1	22
2.2. Nhận diện các nguyên nhân và điều kiện cụ thể tình hình tội cướp giạt tài sản trên địa bàn Quận 1 giai đoạn 2013 – 2017.....	34
2.3. Những hạn chế trong công tác tổ chức phòng, chống tội phạm	44
Chương 3: CÁC GIẢI PHÁP LOẠI TRỪ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẠT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	47
3.1. Dự báo tình hình tội cướp giạt tài sản trên địa bàn Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh	47
3.2. Giải pháp khắc phục nguyên nhân và điều kiện tình hình tội cướp giạt tài sản và phòng ngừa tình hình tội cướp giạt tài sản	50
KẾT LUẬN	66
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ANTT	: An ninh trật tự
BLHS	: Bộ luật hình sự
CAND	: Công an nhân dân
TAND	: Tòa án nhân dân
THTP	: Tình hình tội phạm
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 2.1. Mức độ tổng quan tình hình tội phạm và tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 giai đoạn 2013 – 2017.

Bảng 2.2. Cơ sở tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 giai đoạn 2013 – 2017

Bảng 2.3. Diễn biến tình hình các tội tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 giai đoạn 2013 – 2017 (so sánh định gốc)

Bảng 2.4. Cơ cấu về mức độ tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 phân theo số dân 10 đơn vị hành chính cấp phường

Bảng 2.5. Cơ cấu về mức độ tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 phân theo diện tích 10 đơn vị hành chính cấp phường

Bảng 2.6. Cơ cấu xét theo các bước thực hiện hành vi phạm tội

Bảng 2.7. Cơ cấu xét theo phương tiện gây án

Bảng 2.8. Cơ cấu xét theo thời gian gây án

Bảng 2.9. Cơ cấu xét theo địa điểm thực hiện hành vi phạm tội

Bảng 2.10. Cơ cấu xét theo chế tài áp dụng

Bảng 2.11. Cơ cấu theo độ tuổi của bị cáo

Bảng 2.12. Cơ cấu xét theo giới tính của bị cáo

Bảng 2.13. Cơ cấu xét theo nơi ở của bị cáo

Bảng 2.14. Cơ cấu xét theo trình độ học vấn của bị cáo

Bảng 2.15. Cơ cấu xét theo nghề nghiệp của bị cáo

Bảng 2.16. Cơ cấu xét theo hoàn cảnh gia đình của bị cáo

Bảng 2.17. Cơ cấu xét theo tình trạng hôn nhân

Bảng 2.18. Cơ cấu xét theo đặc điểm tiền án, tiền sự

Bảng 2.19. Cơ cấu xét theo đặc điểm tái phạm, tái phạm nguy hiểm của bị cáo

Bảng 2.20. Cơ cấu xét theo giới tính của người bị hại và tài sản bị cướp giật

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Quận 1 là quận trung tâm của thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm Quận Nhất và Quận Nhì (Sài Gòn cũ) được sáp nhập vào năm 1976. Quận 1 ở vị trí có thể được khắc họa như sau: phía bắc giáp quận Bình Thạnh, quận Phú Nhuận và quận 3; phía đông giáp quận 2 lấy sông Sài Gòn làm ranh giới; phía tây giáp quận 5 và phía nam giáp quận 4 lấy rạch Bến Nghé làm ranh giới. Quận 1 có 10 phường, diện tích 7,7211 km², dân số khoảng 210.342 người (năm 2017), bao gồm nhiều dân tộc sinh sống, trong đó người Kinh chiếm đa số 89,3%, người hoa chiếm 10,2% và các dân tộc khác chiếm 0,5%.

Với vị trí giao thông thuận lợi: nằm bên sông Sài Gòn, tiếp cận đầu mối giao thông đường thủy qua hai cảng: Sài Gòn và Khánh Hội, thuận lợi cho việc thông thương với các nước trên thế giới bằng đường biển. Hệ thống kênh rạch Bến Nghé, Thị Nghè thuận lợi về vận tải hàng hóa giữa trung tâm thành phố và đồng bằng sông Cửu Long. Hệ thống đường bộ thuận lợi, là trung tâm nối liền với toàn quận trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Những năm qua, Quận 1 đã có những bước chuyển biến lớn lao trong xây dựng kinh tế và phát triển văn hóa xã hội, giữ vững và phát huy ưu thế của một trung tâm thành phố về hành chính và ngoại giao, Quận 1 có 128 cơ quan ban ngành Thành Phố, Trung ương trú đóng.

Từ ngày hình thành cho đến nay, Quận 1 luôn giữ vị trí trung tâm của thành phố. Qua hơn 300 năm xây dựng và phát triển, ngày nay Quận 1 đã trở thành trung tâm hành chính, văn hóa, dịch vụ, thương mại, xuất nhập khẩu.. của thành phố Hồ Chí Minh. Đặc biệt hàng năm, quận đã thu hút hàng triệu khách du lịch là người nước ngoài trên toàn thế giới đến thăm quan.

Là quận phát triển nhất cả nước về mọi mặt bên cạnh đó thì tình hình an ninh, trật tự vẫn diễn biến phức tạp ảnh hưởng đến sự phát triển về kinh tế,

văn hóa, xã hội trên địa bàn. Tình hình tội phạm nói chung, tình hình các tội xâm phạm sở hữu nói riêng, đặc biệt là tội cướp giật tài sản vẫn diễn ra hết sức phức tạp. theo báo cáo kết quả thụ lý giải quyết các loại án của TAND Quận 1 cho thấy từ năm 2013 đến năm 2017 có 1.741 vụ án, với 2.457 bị cáo đã được xét xử hình sự sơ thẩm, trong đó tội cướp giật tài sản là 212 vụ án, với 269 bị cáo, tức là tỷ lệ tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 trong 5 năm qua chiếm tỷ lệ 12,18% về số vụ và 10,95% về số bị cáo. Là quận trung của cả nước nói chung, thành phố Hồ Chí Minh nói riêng về văn hóa, kinh tế, chính trị, trên địa bàn tập trung nhiều cơ quan hành chính như Ủy ban nhân dân thành phố, Viện Kiểm sát tối cao, Tòa án Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, các cơ quan Lãnh sự quán, Đại sứ quán.., do đó tình hình tội cướp giật như trên là rất đáng báo động cần đề ra các biện pháp phòng ngừa đạt hiệu quả với loại tội phạm này.

Như vậy, đấu tranh với tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 là một yêu cầu bức thiết từ thực tiễn xã hội. Yêu cầu này đã được Quận ủy và Ủy ban nhân dân Quận 1 luôn quan tâm và thực hiện bằng chỉ thị, kế hoạch cụ thể để thực hiện chương trình hành động số 04CTr/TU ngày 31/12/2010 của Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh theo chỉ đạo của Trung ương, căn cứ Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22 tháng 10 năm 2010 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới, đồng thời tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 623/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2016 của Chính phủ về phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống tội phạm giai đoạn 2016 - 2025 và định hướng đến năm 2030, mà mục tiêu đã được xác định cụ thể là: “Đẩy lùi tội phạm và tệ nạn xã hội, phấn đấu đến năm 2020 giảm từ 3 - 5% tổng số vụ phạm tội hình sự so với năm 2016”.

Công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trên địa bàn Quận 1 đã đạt được những kết quả nhất định, tuy nhiên đây chỉ là những biện pháp phòng ngừa các loại tội phạm nói chung chưa có những giải pháp để ngăn chặn hạn chế nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tình hình tội cướp giật tài sản cũng như phòng ngừa hiệu quả đối với loại tội này. Để đấu tranh có hiệu quả đối với loại tội phạm này, một trong những vấn đề quan trọng là cần làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản.

Với cách nhìn nhận như vậy, tác giả đã lựa chọn nghiên cứu đề tài ***“Nguyên nhân và điều kiện tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh”*** làm đề tài nghiên cứu luận văn Thạc sĩ Luật học, chuyên ngành Tội phạm học và phòng ngừa tội phạm; Mã số: 60.38.01.05.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Để có cơ sở lý luận cho việc thực hiện đề tài, các công trình khoa học sau đây đã được nghiên cứu:

- *“Tội phạm học, Luật Hình sự, Luật Tố tụng Hình sự Việt Nam”*, Nxb Chính trị quốc gia, năm 1994;
- *“Tội phạm học Việt Nam-Một số vấn đề lý luận và thực tiễn”* của Viện Nhà nước và Pháp luật, Nxb Công an nhân dân, năm 2000;
- *“Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam”* của TS. Phạm Văn Tỉnh, Nxb Tư pháp, năm 2007;
- Giáo trình *“Tội phạm học”* của GS.TS. Võ Khánh Vinh, Nxb Công an nhân dân, 2013;
- Giáo trình *“Tội phạm học”* của trường Đại học Luật Hà Nội, Nxb Công an nhân dân, năm 2004, 2012;
- *“Đấu tranh với tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ ở nước ta hiện nay, một mô hình nghiên cứu tội phạm học chuyên ngành”* của Phạm Văn Tỉnh, Đào Bá Sơn, Nxb Công an nhân dân, năm 2010;

- “*Một số vấn đề lý luận về tình hình tội phạm ở Việt Nam*” của Nguyễn Văn Cảnh và Phạm Văn Tĩnh, do Học viện Cảnh sát nhân dân, Bộ Công an ấn hành năm 2013.

Ở mức độ cụ thể và liên quan trực tiếp đến đề tài luận văn, các công trình khoa học sau đây cũng đã được tham khảo:

Đào Quốc Thịnh (2014), *Tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, Luận văn Thạc sĩ Luật học – Học viện khoa học xã hội.

Trần Xuân Huân (2014), *Tội cướp giật tài sản do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, Luận văn Thạc sĩ Luật học – Học viện Khoa học xã hội.

Lê Thuần Phong (năm 2015), *Tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, Luận văn Thạc sĩ Luật học – Học viện Khoa học xã hội.

Trần Thanh Hải (2016), *Tội cướp giật tài sản trên địa bàn tỉnh Bình Dương: tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, Luận văn Thạc sĩ Luật học – Học viện Khoa học xã hội.

Đặng Ngọc Thắng (2016), *Phòng ngừa tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Luật học – Học viện Khoa học xã hội.

Trong các công trình liên quan trực tiếp đến đề tài luận văn nêu trên, chưa có công trình nào nghiên cứu về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm trên địa bàn Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục đích nghiên cứu

Đề tài có mục đích nghiên cứu làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Trên cơ sở đó đưa ra các giải pháp phòng ngừa tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn trong những năm tới.

3.2. *Nhiệm vụ nghiên cứu*

Thứ nhất: Phân tích làm rõ những vấn đề lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản.

Thứ hai: Nghiên cứu, phân tích làm rõ các yếu tố giữ vai trò là nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1.

Thứ ba: Dự báo tình hình tội cướp giật tài sản và đề xuất giải pháp phòng ngừa tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. *Đối tượng nghiên cứu*

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1.

4.2. *Phạm vi nghiên cứu*

- Về nội dung, đề tài được nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản dưới góc độ tội phạm học thuộc chuyên ngành Tội phạm học và Phòng ngừa tội phạm;

- Về không gian, đề tài nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Về thời gian, đề tài nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 trong thời gian từ 2013 đến năm 2017

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Đề tài được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước về đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Đề tài sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: Phương pháp logic, phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, hệ thống, diễn giải, quy nạp, phương pháp dự báo.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Về mặt lý luận

Về mặt lý luận, kết quả nghiên cứu của luận văn góp phần làm rõ hơn lý luận tội phạm học về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm trên địa bàn Quận 1.

6.2. Về mặt thực tiễn

Về mặt thực tiễn, kết quả nghiên cứu của luận văn có thể sử dụng vào việc thực hiện công tác tổ chức phòng ngừa tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1, góp phần ngăn chặn, phòng ngừa tội phạm trên địa bàn Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

7. Kết cấu của luận văn

Chương 1: Những vấn đề lý luận chung về nguyên nhân và điều kiện tình hình tội cướp giật tài sản

Chương 2: Thực trạng nguyên nhân và điều kiện tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2013 - 2017

Chương 3: Giải pháp loại trừ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN

1.1. Khái niệm, ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1

1.1.1. *Khái quát những dấu hiệu pháp lý đặc trưng của tội cướp giật tài sản*

Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), Điều 171, Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội cướp giật tài sản. Theo các điều luật này, khách thể trực tiếp bị xâm hại là quan hệ sở hữu về tài sản mà đối tượng tác động là tài sản của chủ sở hữu hợp pháp. Mặt khách quan của tội phạm được thể hiện bằng hành công khai chiếm đoạt tài sản một cách nhanh chóng. Đặc trưng của tội cướp giật tài sản là hành vi giật, tức là giằng mạnh lấy tài sản về mình một cách nhanh chóng (ngay tức khắc). Hành vi giật tài sản đã bao gồm bản chất của tội cướp giật nên Điều luật không mô tả hành vi khách quan của tội cướp giật trong cấu thành tội phạm. Vì hành vi giật tài sản một cách nhanh chóng đã tạo ra yếu tố bất ngờ với chủ sở hữu hoặc người có trách nhiệm về tài sản (người đang quản lý tài sản) làm cho những người này không có khả năng giữ được tài sản đang quản lý. Hành vi công khai chiếm đoạt cũng có nghĩa là người phạm tội không có ý thức che giấu hành vi phạm tội của mình và khi thực hiện việc chiếm đoạt cho phép chủ tài sản biết ngay có hành vi chiếm đoạt xảy ra. Để thực hiện hành vi cướp giật tài sản, người phạm tội có thể sử dụng nhiều thủ đoạn khác nhau như: lợi dụng chủ sở hữu hoặc người có trách nhiệm quản lý tài sản không chú ý, bất ngờ giật tài sản, lợi dụng chủ sở hữu hoặc người có trách nhiệm quản lý tài sản đang bị vướng mắc hoặc đang điều khiển phương tiện giao thông để giật tài sản...

Chủ thể của tội phạm là người từ đủ 16 tuổi trở lên, có năng lực trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự hiện hành. Về mặt chủ quan, lỗi của người phạm tội cướp giật tài sản là hình thức lỗi cố ý trực tiếp, người phạm tội nhận thức rõ hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, thấy trước hậu quả của hành vi đó và mong muốn hậu quả xảy ra. Mục đích của tội cướp giật tài sản là chiếm đoạt tài sản của người khác. Hình phạt đối với tội cướp giật tài sản được Bộ luật hình sự hiện hành quy định cụ thể đối với từng trường hợp, thấp nhất là 01 năm tù giam, cao nhất là tù chung thân.

1.1.2. Khái niệm nguyên nhân và điều kiện tình hình tội cướp giật tài sản

Theo lý thuyết về tội phạm học, nguyên nhân của tội phạm là những hiện tượng, quá trình xã hội có khả năng làm phát sinh tình hình tội phạm trong thực tế. Những hiện tượng quá trình xã hội này có trước tội phạm về thời gian. Điều kiện là những yếu tố không có khả năng trực tiếp làm phát sinh tình hình tội phạm, không chứa đựng những mâu thuẫn và xung đột trong xã hội nhưng lại tạo ra những khả năng và hoàn cảnh thuận lợi để nguyên nhân nhanh chóng làm phát sinh tội phạm. Trong mối tương quan giữa nguyên nhân, điều kiện thì nguyên nhân luôn là nhân tố trực tiếp làm phát sinh tội phạm, luôn thể hiện những mâu thuẫn về nhiều mặt trong đời sống xã hội, và những mâu thuẫn này luôn tồn tại ổn định về mặt thời gian. Còn điều kiện là những nhân tố tồn tại kém bền vững, không ổn định, dễ bị phá vỡ và thay đổi. Nguyên nhân và điều kiện luôn có sự thay đổi liên tục về mặt lịch sử. Việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tội phạm nói chung và các tội xâm phạm hoạt động tư pháp nói riêng được dựa trên luận điểm rất cơ bản, coi tội phạm là một hiện tượng xã hội phức tạp, tồn tại khách quan và có mối liên hệ với các hiện tượng xã hội khác, đồng thời cũng khẳng định khả năng ngăn chặn và từng bước loại trừ tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

Các nguyên nhân và điều kiện của tình trạng tội phạm rất đa dạng và biểu hiện ở nhiều mức độ khác nhau nên việc xác định chúng gặp rất nhiều khó khăn. Bởi vì nguyên nhân và điều kiện có mối liên hệ chặt chẽ với nhau mà nếu tách biệt chúng ra có khi lại không phân biệt được đâu là nguyên nhân, đâu là điều kiện. Hơn nữa, tình trạng tội phạm là hệ quả của nguyên nhân và điều kiện được nảy sinh bởi rất nhiều các hiện tượng xã hội khách quan và chủ quan tác động qua lại lẫn nhau và luôn nằm bên ngoài ý thức của người phạm tội. Vì vậy có những trường hợp có thể coi hiện tượng xã hội này là nguyên nhân nhưng cũng có thể coi đó là điều kiện mặc dù nguyên nhân và điều kiện là hai khái niệm hoàn toàn khác nhau của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Điều đó có nghĩa rằng nguyên nhân không phải là điều kiện nhưng ở một hoàn cảnh nào đó, một chừng mực nào đó thì điều kiện lại trở thành nguyên nhân của tội phạm. Tuy nhiên sự phân tích trên chỉ có tính chất tương đối.

Tội phạm học phân chia nguyên nhân và điều kiện của tội phạm học làm ba loại:

- Nguyên nhân và điều kiện của tình trạng tội phạm nói chung
- Nguyên nhân và điều kiện của nhóm tội phạm (có cùng khách thể loại)
- Nguyên nhân và điều kiện của tội phạm cụ thể.

Để làm rõ nguyên nhân của tội phạm cụ thể thì không chỉ phân tích một tội phạm cụ thể biệt lập, mà cần xem xét nó trong mối quan hệ giữa cái Chung và cái riêng, giữa bộ phận và chỉnh thể, tức là phải dựa trên những nhận xét, đánh giá và tìm hiểu các nguyên nhân và điều kiện của tình trạng tội phạm nói chung cũng như tìm hiểu nguyên nhân và điều kiện của một nhóm tội có cùng khách thể loại. Việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện phạm tội ở ba mức độ như vậy không có nghĩa là phân chia

một cách cơ học các nguyên nhân và điều kiện ra làm ba phần: cho tình trạng tội phạm, cho một nhóm tội và cho một tội phạm cụ thể mà ở đây, các nguyên nhân và điều kiện đó phải được xem xét trong một hệ thống. Giữa các yếu tố là nguyên nhân và điều kiện có vô vàn mối liên hệ với nhau, tác động lên tình trạng tội phạm trong những phạm vi khác nhau và ở những mức độ khác nhau.

Với tính cách là hiện tượng xã hội, tình hình tội phạm có nguyên nhân và điều kiện xã hội. Về vấn đề này, GS.TS Võ Khánh Vinh khẳng định: “Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm được hiểu là hệ thống các hiện tượng xã hội tiêu cực trong hình thái kinh tế-xã hội tương ứng quyết định sự ra đời của tình hình tội phạm như là hậu quả của mình” và “các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm tạo thành một hệ thống gồm nhiều bộ phận cấu thành nó” [39, tr.86]

Với tính cách là những hiện tượng xã hội tiêu cực, nguyên nhân và điều kiện xuất hiện trong xã hội, tồn tại trong xã hội có nguồn gốc và bản chất mang tính xã hội; chúng bao giờ cũng nằm trong hệ thống các mâu thuẫn xã hội trong tất cả mọi mặt, mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Các hiện tượng tiêu cực này luôn tương tác qua lại với nhau sinh ra tình hình tội phạm. Và khi tình hình tội phạm xuất hiện thì có sự tác động trở lại tái sản xuất ra tình hình tội phạm như là một kết quả tất yếu. *“Bởi một hiện tượng nào đó trong mối liên hệ này là nguyên nhân thì trong mối liên hệ khác là kết quả, và ngược lại”* [25, tr.256]. Trong nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm thì điều kiện cũng giống như nguyên nhân đó là những hiện tượng xã hội tiêu cực, và điều kiện không sinh ra tình hình tội phạm mà nó chỉ là chất xúc tác có tác dụng hỗ trợ, thúc đẩy tình hình tội phạm. Trong thực tế việc phân định rõ đâu là nguyên nhân, đâu là điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản là việc khó khăn.

Trong lĩnh vực xã hội nói chung và tội phạm học nói riêng, sự phân biệt giữa nguyên nhân và điều kiện chỉ mang tính chất tương đối, thực tế đấu tranh và phòng ngừa tội phạm luôn đòi hỏi phải loại trừ cả hai, tức là phải loại trừ cả nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội phạm.

Như vậy, có thể đưa ra định nghĩa như sau: *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giết tài sản hay của hành vi phạm tội cướp giết tài sản là sự tác động qua lại giữa các yếu tố tiêu cực của môi trường sống bên ngoài với các yếu tố tâm – sinh lý tiêu cực bên trong con người mà trong những tình huống, hoàn cảnh nhất định đã dẫn đến việc thực hiện một hành vi nguy hiểm cho xã hội mà Bộ luật hình sự hiện hành quy định là tội cướp giết tài sản.*

1.1.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện tình hình tội cướp giết tài sản

Nghiên cứu tội phạm học nói chung, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói riêng có ý nghĩa rất quan trọng nhằm đề ra các biện pháp phòng ngừa đạt hiệu quả, hạn chế, bài trừ tình hình tội phạm ra khỏi đời sống xã hội, giữ gìn an ninh trật tự, an toàn xã hội. Như vậy, nghiên cứu về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giết tài sản có ý nghĩa sau:

Thứ nhất, nghiên cứu làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giết tài sản góp phần nhận thức về toàn bộ tình hình tội cướp giết tài sản trên địa bàn Quận 1 từ đó minh chứng cho sự đúng đắn của lý luận về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm.

Thông qua việc nghiên cứu sẽ góp phần làm rõ thực trạng, cơ cấu, diễn biến của tình hình tội phạm cướp giết tài sản và xu hướng của tình hình tội phạm trong thời gian tới. Nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giết tài sản còn giúp hiểu rõ hơn các yếu tố thuộc nhân thân người phạm tội, xem xét, nhìn nhận những yếu tố này trong sự tác động qua lại với

các yếu tố khác thuộc môi trường sống và hoàn cảnh làm phát sinh tình hình tội phạm.

Thứ hai, Việc nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình cướp giết tài sản là cơ sở để xây dựng các biện pháp phòng ngừa tình hình tội này một cách khoa học và hiệu quả.

Việc tìm ra quy luật phát sinh, tồn tại, phát triển của tình hình tội cướp giết tài sản để chủ động những điều kiện cần thiết là hoạt động tư duy có định hướng chiếm vị trí rất quan trọng trong đấu tranh nhằm kiềm chế, đẩy lùi tội cướp giết tài sản trong xã hội. Nếu không xác định được hoặc xác định chưa sát hợp về nguyên nhân và điều kiện của tình hình cướp giết tài sản thì định hướng cho cuộc đấu tranh này cũng sẽ không đúng, dẫn đến kết quả bị hạn chế.

Thứ ba, Nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giết tài sản có ý nghĩa quan trọng đối với việc hoạch định các chính sách kinh tế, xã hội, pháp luật, hình sự

Việc chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là chủ trương đúng đắn, tích cực đã thúc đẩy nền kinh tế đất nước thoát khỏi khủng hoảng kinh tế triền miên. Thế nhưng, chuyển đổi cơ chế quản lý mới của nền kinh tế tác động đến nhiều lĩnh vực khác mà ở các lĩnh vực này làm phát sinh tội phạm. Ngoài ra, tình trạng thất nghiệp ngày càng gia tăng là một yếu tố tác động mạnh mẽ đến tình hình tội phạm.

Như vậy nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện tình hình tội cướp giết tài sản có ý nghĩa quan trọng trong việc hoạch định chính sách nhằm giảm thiểu, phòng ngừa tội phạm một cách hiệu quả nhất như: Hoàn thiện chính sách về việc làm trong xã hội một cách hiệu quả, tạo công việc cho những

người thất nghiệp có việc làm ổn định, phát triển kinh tế trên cơ sở cần được quản lý chặt chẽ.

1.2. Phân loại nguyên nhân và điều kiện tình hình tội cướp giật tài sản

Theo GS.TS. Võ Khánh Vinh thì *“Trong tội phạm học, tùy thuộc vào nhiệm vụ của việc nghiên cứu người ta sử dụng việc phân chia các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm theo các cách khác nhau”* [39, tr.93]. Việc phân loại các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm được tiến hành theo các tiêu chí về cơ chế, mức độ tác động, nội dung tác động và bản chất của sự tồn tại.

Tình hình tội cướp giật tài sản phát sinh không bởi một nguyên nhân và điều kiện mà bởi hàng loạt các nguyên nhân và điều kiện khác nhau. Do đó để nhận thức chung về mặt khoa học và về mặt thực tiễn cần phải phân loại chúng. Trong tội phạm học, các nhà khoa học có các cách phân loại sau:

1.2.1. Căn cứ vào mức độ tác động

- Nguyên nhân và điều kiện chủ yếu làm phát sinh tình hình cướp giật tài sản là những nhân tố đóng vai trò chủ chốt trong việc làm phát sinh tội cướp giật tài sản và những nhân tố này chiếm tỷ lệ đáng kể trong tổng số các nhân tố làm phát sinh tình hình tội cướp giật tài sản.

- Nguyên nhân và điều kiện thứ yếu làm phát sinh tình hình tội cướp giật tài sản là những nhân tố chỉ đóng vai trò hạn chế và chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng số các nhân tố phát sinh tình hình tội cướp giật tài sản.

1.2.2. Căn cứ vào nguồn gốc xuất hiện

- Nguyên nhân và điều kiện bắt nguồn từ môi trường sống là tổng hợp các hiện tượng xã hội tiêu cực hình thành, tồn tại trong môi trường sống của cá nhân có thể tác động, ảnh hưởng đến cá nhân ở mức độ nhất định từ đó làm

phát sinh tội cướp giết tài sản. Ví dụ như các hành vi lệch chuẩn trong môi trường gia đình, môi trường xã hội, môi trường giáo dục...

- Nguyên nhân và điều kiện xuất phát từ phía người phạm tội là tổng hợp những nhân tố tiêu cực thuộc về nhân thân người phạm tội có thể tác động, ảnh hưởng đến việc phát sinh tội cướp giết tài sản của người phạm tội. Những nhân tố tiêu cực này có thể là dấu hiệu thuộc về sinh học, tâm lý, xã hội – nghề nghiệp của người phạm tội.

1.2.3. Căn cứ lĩnh vực hình thành nguyên nhân phạm tội

- Nguyên nhân kinh tế - xã hội. Đây là những hiện tượng xã hội trong lĩnh vực kinh tế - xã hội có thể tác động làm phát sinh tình hình tội cướp giết tài sản như quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, thất nghiệp, quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn...

- Văn hóa giáo dục. Đây là những hiện tượng xã hội tiêu cực trong lĩnh vực xây dựng, quản lý, triển khai thực hiện các chính sách, chương trình về văn hóa, giáo dục có thể tác động ảnh hưởng làm phát sinh tình hình tội cướp giết tài sản

- Tổ chức quản lý. Đây là một số thiếu sót, bất cập trong hoạt động của các cơ quan chức năng có thẩm quyền quản lý trong lĩnh vực nhất định. Thuộc về các nguyên nhân này có thể là các hiện tượng xã hội như: Buông lỏng quản lý, đùn đẩy trách nhiệm cho nhau, ý thức tinh thần trách nhiệm trong việc hợp tác giải quyết vụ việc...

- Về chính sách pháp luật. Nguyên nhân và điều kiện thuộc lĩnh vực phát hiện và xử lý tội phạm. Việc chậm giải quyết những bức xúc xã hội hoặc xử lý chưa nghiêm, chưa kiên quyết triệt để trong đấu tranh với tội phạm có thể tác động, ảnh hưởng làm phát sinh tình hình tội cướp giết tài sản

1.3. Cơ chế tác động của các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản

Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản là những hiện tượng, quá trình xã hội tiêu cực tác động qua lại với tâm, sinh lý cá nhân người phạm tội hình thành nhân cách của người phạm tội. Những cá nhân mang đặc điểm nhân thân xấu này khi gặp những tình huống cụ thể sẽ chuyển hóa thành hành vi phạm tội.

GS.TS Võ Khánh Vinh cho rằng: “Những yếu tố thuộc môi trường bên ngoài hay quá trình tâm sinh lý bên ngoài con người, dù ở mức độ bất lợi và xấu như thế nào đi chăng nữa tự nó đều không phải là nguyên nhân của hành vi phạm tội cụ thể, mà là sự tương tác, kết hợp cả hai yếu tố đó mới trở thành nguyên nhân của tội phạm cụ thể...”.

Cơ chế tác động của các nguyên nhân và điều kiện diễn ra theo hai giai đoạn :

Một là, giai đoạn tác động qua lại giữa các yếu tố tiêu cực của môi trường sống với các đặc điểm bên trong của cá nhân để hình thành các đặc điểm nhân thân xấu của con người

Hai là, giai đoạn tác động qua lại giữa các đặc điểm nhân thân xấu của con người với các tình huống cụ phạm tội cụ thể sẽ chuyển hóa thành hành vi phạm tội.

Để hiểu rõ hơn về các nội dung trong cơ chế tác động của các nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản ta có thể phân tích các nội dung sau:

- Tác động của môi trường xã hội

Môi trường sống của mỗi cá nhân có ảnh hưởng rất lớn đối với sự hình thành và phát triển nhân cách của con người. Những môi trường sống bao gồm như: môi trường gia đình, môi trường giáo dục, môi trường văn hóa – xã

hội.. Những môi trường này sẽ tác động trực tiếp đến con người từ khi sinh ra, nếu sống trong môi trường thuận lợi thì cá nhân đó sẽ hình thành những phẩm chất tốt, ngược lại tác động của những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sẽ ảnh hưởng đến quá trình hình thành nhân cách người phạm tội. Có thể thấy rằng cá nhân sống trong môi trường gia đình không hoàn thiện, khó khăn về kinh tế, cha mẹ không quan tâm con cái sẽ tác động hình thành những phẩm chất cá nhân tiêu cực đối với con người như lòng tham, nhu cầu sai lệch về tài sản và từ đó sẽ dễ dàng phạm các tội xâm phạm sở hữu nói chung, tội cướp giật tài sản nói riêng.

- Tác động của quá trình hình thành nhân cách người phạm tội

Sự tác động qua lại của môi trường sống với tâm sinh lý của cá nhân sẽ hình thành nhân cách người phạm tội. Khi gặp những yếu tố thuận lợi về môi trường sống tác động hình thành nhân cách người phạm tội thì bản thân người phạm tội sẽ tác động trở lại để hình thành nhân cách con người đó. Như vậy có thể thấy rằng sự tác động của quá trình hình thành nhân cách người phạm tội là sự tác động qua lại, tương tác lẫn nhau. Điều này giải thích không phải cá nhân nào sống trong môi trường không thuận lợi thì đều phạm tội. Cùng sống trong một môi trường giống nhau nhưng có người phạm tội nhưng có người thì không. Khi môi trường sống tác động đến cá nhân thì cá nhân đó tác động trở lại với môi trường và hình thành nhân cách con người.

Tính độc lập của mỗi cá nhân đối với môi trường sống, cho thấy trên thực tế, có rất nhiều người sống trong môi trường, họ có thể có hoàn cảnh giống nhau hoặc tương tự như người phạm tội, nhưng không phải ai cũng trở thành người phạm tội. Hoặc là, ngay cả giữa những người phạm tội thì mức độ chịu sự tác động của môi trường dẫn đến việc thực hiện các tội phạm cũng khác nhau. Đó là do tính độc lập của mỗi cá nhân trong môi trường là khác nhau, tức là mặc dù các nhân chịu sự tác động lớn từ môi trường sống, nhưng

sự tiếp thu, chịu sự tác động từ môi trường sống đến cá nhân như thế nào lại là do từng cá nhân đó quyết định. Bởi vì, mỗi con người là một thực thể của xã hội, và mỗi cá nhân sống trong môi trường đó, không phải chỉ thụ động chịu sự tác động một phía từ môi trường mà cá nhân đó đang sống đến bản thân mình, mà cá nhân đó, còn có thể chủ động tiếp nhận và tác động trở lại đến môi trường, thậm chí là thay đổi môi trường mà mình đang sống ở mức độ nào đó. Chính vì vậy, khi tìm hiểu về nguyên nhân của tình hình tội phạm thì phải tìm hiểu cả nguyên nhân từ phía người phạm tội với những tố chất sinh học và cả những đặc điểm tâm lý riêng biệt vốn được hình thành từ cuộc sống cũng như trong quá trình hình thành nhân cách lệch lạc của họ do chịu sự tác động của môi trường sống.

- Tình huống phạm tội và quá trình chuyển hóa thành hành vi phạm tội

Tình huống là cơ hội hoặc hoàn cảnh cụ thể đã trực tiếp ảnh hưởng đến việc phát sinh tội phạm của người phạm tội vào thời điểm nhất định. Trong một số trường hợp phạm tội nhất định, tình huống cụ thể đóng vai trò là nguyên nhân phát sinh tội phạm. Tình huống phạm tội rất đa dạng và phong phú và được phân loại theo nhiều tiêu chí khác nhau. Tình huống trong tội cướp giật tài sản đó là tình huống xảy ra trong khoảng thời gian nhất định tạo điều kiện cho người phạm tội thực hiện hành vi cướp giật tài sản.

- Nguyên nhân từ phía nạn nhân

Vai trò của nạn nhân của tội phạm được thể hiện qua xử sự của họ trong từng tình huống phạm tội cụ thể, ở quá trình người phạm tội đánh giá tình huống đó cũng như cân nhắc các đặc điểm nhân thân của nạn nhân trước khi quyết định thực hiện hành vi phạm tội cụ thể. Nạn nhân cũng có vai trò quan trọng trong cơ chế hành vi phạm tội. Trong một số trường hợp cụ thể, vai trò của nạn nhân là nguyên nhân làm phát sinh hoặc thúc đẩy tội phạm thực hiện.

1.4. Mỗi liên hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản với tình hình tội cướp giật tài sản, với nhân thân người phạm tội cướp giật tài sản và với hoạt động phòng ngừa.

1.4.1. Mỗi liên hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản với tình hình tội cướp giật tài sản.

GS.TS. Võ Khánh Vinh viết: “Để có nhận thức sâu sắc về thực trạng của tình hình tội phạm, làm sáng tỏ được các khuynh hướng của nó, các nguyên nhân và điều kiện của việc thực hiện các tội phạm, có cơ sở cho việc nghiên cứu dự báo và xây dựng kế hoạch phòng ngừa tổng thể cần tiến hành việc phân tích một thời gian dài diễn biến của tình hình tội phạm” [39,tr. 64],

Nguyên nhân và điều kiện của tội cướp giật tài sản có mối quan hệ tác động qua lại với tình hình tội cướp giật tài sản :

- Tình hình tội cướp giật tài sản là cơ sở để nhận thức nguyên nhân và điều kiện của tội cướp giật tài sản. Trên cơ sở phân tích về tình hình tội phạm sẽ biết được những đặc điểm về lượng (thực trạng và diễn biến của tình hình tội phạm) và biết những đặc điểm về chất (cơ cấu và tính chất của tình hình tội phạm). Chúng ta biết rằng khi nghiên cứu rõ một số đặc điểm về cơ cấu của tình hình tội phạm sẽ cho phép nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm.

- Ngược lại, nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tội cướp giật tài sản sẽ giúp cho việc nhận thức một cách đúng đắn và toàn diện về tình hình tội cướp giật tài sản. Làm rõ nguyên nhân và điều kiện tội cướp giật tài sản sẽ giúp hiểu rõ thêm tình hình tội cướp giật tài sản. Đặc biệt việc làm rõ nguyên nhân và điều kiện tội cướp giật tài sản sẽ làm rõ được tính chất của tình hình tội phạm.

1.4.2. Mỗi liên hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản với nhân thân người phạm tội cướp giật tài sản

Khi làm rõ được nhân thân người phạm tội cướp giật tài sản thì càng hiểu rõ được nguyên nhân và điều kiện tội cướp giật tài sản. Nhân thân người phạm tội là tất cả các đặc điểm vốn có của một con người, như vậy con người càng có nhiều đặc điểm nhân thân xấu thì khả năng phạm tội càng cao. Ví dụ đặc điểm nhân thân của một con người như sự xem thường pháp luật, xem thường tính mạng, sức khỏe và tài sản của người khác, xem thường các giá trị đạo đức... thường dẫn đến việc thực hiện hành vi phạm tội cướp giật tài sản.

Nhân thân người phạm tội, với tư cách là những đặc điểm thuộc về chủ quan người phạm tội, trong nhiều trường hợp đóng vai trò quan trọng trong cơ chế hành vi phạm tội. Vì vậy, nghiên cứu nhân thân người phạm tội sẽ cho phép nhận thức một cách đầy đủ, rõ ràng nhất về nguyên nhân làm phát sinh tội phạm. Chẳng hạn như nghiên cứu nhân thân người phạm tội sẽ cho phép biết được động cơ, mục đích của việc thực hiện hành vi phạm tội, biết được tiền án, tiền sự, độ tuổi, trình độ học vấn, dân tộc, hoàn cảnh gia đình, thành phần, địa vị xã hội, từ đó xác định người đó thực hiện hành vi phạm tội lần đầu hay tái phạm, có tình tiết tăng nặng hay giảm nhẹ để có căn cứ áp dụng hình phạt phù hợp. Đặc biệt, nếu biết được động cơ, mục đích của việc thực hiện hành vi phạm tội sẽ cho phép phân biệt và xác định người đó phạm tội cướp giật tài sản hay là phạm tội khác.

1.4.3. Mối liên hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản với phòng ngừa tình hình tội cướp giật tài sản

Chỉ trên cơ sở làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản mới có thể xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa hữu hiệu tình hình tội cướp giật tài sản.

Qua việc nghiên cứu làm rõ nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản sẽ biết được đâu là nguyên nhân cơ bản, chủ yếu và biết được đâu là địa bàn trọng yếu, trọng điểm làm phát sinh tội phạm để từ đó ưu

tiên tập trung lực lượng, nguồn lực tốt nhất, trong thời gian sớm nhất và điều kiện tốt nhất để tổ chức thực hiện các biện pháp cơ bản, chủ yếu nhằm phòng ngừa hiệu quả tình hình tội cướp giật tài sản.

Khi hiểu rõ được nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản tức là biết được yếu tố nào làm phát sinh tội phạm, yếu tố nào thúc đẩy tội phạm được thực hiện từ đó có cơ sở xây dựng và tổ chức thực hiện các giải pháp phòng ngừa phù hợp. Như vậy muốn phòng ngừa được hình hình tội cướp giật tài sản, không cho nó phát sinh trong đời sống xã hội thì chúng ta phải loại trừ được các yếu tố làm phát sinh tội phạm và các yếu tố là chất xúc tác thúc đẩy tội phạm được thực hiện. Điều này có nghĩa là việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa tình hình tội cướp giật tài sản phải dựa trên cơ sở nghiên cứu làm rõ nguyên nhân và điều kiện tình hình tội phạm.

Ngược lại, trên cơ sở xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa hữu hiệu tình hình tội cướp giật tài sản sẽ làm hạn chế đến mức thấp nhất các nguyên nhân và điều kiện làm phát sinh tội cướp giật tài sản.

Phòng ngừa tội phạm là hoạt động được tiến hành bằng việc sử dụng đồng bộ các biện pháp của Nhà nước và xã hội hướng đến mục tiêu xóa bỏ, hạn chế nguyên nhân điều kiện tội phạm và ngăn chặn các hành vi phạm tội có thể xảy ra.

Trong thực tế việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa hữu hiệu tình hình tội cướp giật tài sản thường tập trung giải quyết các vấn đề về nguyên nhân và điều kiện của tội cướp giật tài sản. Về bản chất thì các biện pháp phòng ngừa tình hình tội phạm là các biện pháp nhằm vào việc khắc phục những tồn tại, hạn chế của những yếu tố là nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm.

Qua những phân tích trên thấy rằng, nguyên nhân và điều kiện của tội cướp giật tài sản đều có mối quan hệ tác động qua lại với tình hình tội cướp giật tài sản, với nhân thân người phạm tội cướp giật tài sản và với phòng ngừa tình hình tội cướp giật tài sản. Như vậy, có thể đánh giá rằng nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản là yếu tố trung tâm, là hạt nhân có ảnh hưởng lớn đối với mọi yếu tố khác của tình hình tội cướp giật tài sản.

Tiểu kết Chương 1

Thông qua việc nghiên cứu các nội dung như khái niệm nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản, phân loại, cơ chế, mối liên hệ giữa nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản với tình hình tội cướp giật tài sản, với nhân thân tội cướp giật tài sản và phòng ngừa tình hình tội cướp giật tài sản cho thấy rằng:

Một là, nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản là tác động qua lại giữa yếu tố tiêu cực thuộc môi trường sống và yếu tố tâm, sinh lý của cá nhân người phạm tội. Các yếu tố tiêu cực thuộc môi trường như môi trường xã hội, môi trường gia đình, môi trường giáo dục ảnh hưởng đến quá trình hình thành nhân cách mỗi cá nhân phạm tội cướp giật tài sản.

Hai là, những yếu tố tiêu cực thuộc chủ thể của hành vi phạm tội cướp giật tài sản và yếu tố từ phía nạn nhân cũng là nguyên nhân trực tiếp tạo điều kiện để xảy ra hành vi phạm tội. Chủ thể tội cướp giật tài sản có những nhận thức không đúng đắn về nhu cầu tài sản, ý thức pháp luật còn hạn chế đã dẫn đến hình thành động cơ thực hiện hành vi phạm tội.

Ba là, từ khái niệm, phân loại về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 là cơ sở để tác giả nghiên cứu về thực trạng cũng như đề ra các biện pháp phòng ngừa tình hình loại tội phạm này trong các chương tiếp theo

Chương 2

THỰC TRẠNG NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN TÌNH HÌNH

TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN TRÊN ĐỊA BÀN

QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH GIAI ĐOẠN 2013-2017

2.1. Khái quát tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1

Khái quát tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 đến năm 2017 tác giả đi nghiên cứu qua các vụ án đã xảy ra, số đối tượng phạm tội cướp giật tài sản đã phát hiện, điều tra xử lý; mức độ, diễn biến, cơ cấu, tính chất của tình hình tội cướp giật tài sản

2.1.1. *Mức độ của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1*

Thực trạng (mức độ) của tình hình tội phạm là đặc điểm định lượng tiêu biểu, cho biết về toàn bộ số người vi phạm cùng số tội phạm do họ thực hiện trong một đơn vị thời gian và không gian nhất định.

Như vậy để biết được tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 tăng hay giảm, mức độ như thế nào ta cần nghiên cứu về mức độ của nó. Ở đây, tác giả nghiên cứu mức độ của tình hình tội cướp giật tài sản từ thực tiễn trên địa bàn Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2013 – 2017 được nhận thức thông qua các số liệu phản ánh tổng số tội cướp giật đã xảy ra và số lượng người thực hiện vi phạm tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận trong thời gian này. Đánh giá chính xác mức độ của tình hình tội cướp giật tài sản được thể hiện thông qua số lượng tội cướp giật tài sản và người phạm tội cướp giật tài sản đã bị xét xử bằng một bản án kết tội của Tòa án có trong thống kê hình sự. Trong phạm vi nghiên cứu của đề tài tác giả tập trung nghiên cứu hai mức độ: tổng quan tuyệt đối và tổng quan tương đối.

2.1.1.1/ Mức độ tổng quan tuyệt đối

Theo số liệu thống kê của Tòa án nhân dân Quận 1 từ năm 2013 đến năm 2017, tổng số vụ án xét xử hình sự là: 1.741 vụ với 2.457 bị cáo, trong

đó có 212 vụ với 269 bị cáo phạm tội cướp giật tài sản. Trong đó, xảy ra nhiều nhất là năm 2014 với 70 vụ với 89 bị cáo. Năm xảy ra số tội giật tài sản ít nhất là 2017 chỉ có 18 vụ với 21 bị cáo (*Bảng 2.1 – Phần phụ lục*)

Nhìn vào thông số này thấy thấy, tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 giảm trong những năm gần đây, tuy nhiên vẫn chiếm tỷ lệ khá cao so với tình hình tội phạm Quận 1, Trung bình 05 năm đã xảy ra 212 vụ với 269 bị cáo chiếm 12,18% tổng số vụ án hình sự xảy ra.

Những năm gần đây tình hình tội cướp giật tài sản đã giảm, năm 2017 chỉ có 17 vụ với 21 bị cáo, điều này cho thấy công tác đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản đã có nhiều kết quả nhất định. Tuy nhiên, với địa bàn Quận 1 là trung tâm của thành phố Hồ Chí Minh, việc loại trừ tình hình tội phạm nói chung, tội cướp giật tài sản nói riêng là yêu cầu cấp bách trong quá trình phát triển của thành phố Hồ Chí Minh.

2.1.1.2/ Mức độ tổng quan tương đối

Phân tích thực trạng của tình hình tội phạm dựa trên cơ sở của tình hình tội phạm, tức là mối tương quan của số lượng các tội phạm đã thực hiện với số lượng dân cư tính trên 100.000 người đối với một đơn vị hành chính trong thời gian là một năm.

Bảng 2.2 thể hiện cơ sở của tội phạm trên địa bàn Quận 1 và cơ sở tội cướp giật tài sản. Trung bình trên địa bàn Quận 1 cứ 100.000 người thì có 250 người phạm tội và 27 người phạm tội cướp giật tài sản. Cơ sở phạm tội nói chung trên địa bàn Quận và cơ sở tội cướp giật tài sản có xu hướng giảm qua từng năm. Năm 2013 cơ sở tội cướp giật tài sản là 36,03 người thì đến năm 2017 đã giảm còn 10,07 người. (*Bảng 2.2. phần phụ lục*)

Là Quận tập trung nhiều cơ quan hành chính nhà nước, nhiều công trình quan trọng của quốc gia đòi hỏi tình hình tội phạm trên địa bàn Quận 1 cần được loại triệt để, cần tiếp tục thực hiện các biện pháp phòng ngừa để cơ

số tội phạm nói chung, cơ sở tội cướp giật tài sản ở mức thấp nhất. Từ đó tạo điều kiện cho Quận 1 phát triển về mọi mặt, xứng tầm là Quận trung tâm về văn hóa, kinh tế, xã hội của cả nước.

2.1.2. Diễn biến tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1

Diễn biến của tình hình tội phạm là sự vận động và sự thay đổi của thực trạng và cơ cấu của tình hình tội phạm trong một khoảng thời gian nhất định (một năm, hai năm, ba năm, năm năm, mười năm...)

Qua bảng 2.3 thấy rằng, diễn biến tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận giảm qua từng năm. Trong đó năm 2014 xảy ra nhiều nhất là 70 vụ với 89 bị cáo, tuy nhiên đến năm 2017 đã giảm xuống còn 18 vụ với 21 bị cáo. Để thực hiện được như vậy là do các cơ quan chức năng trên địa bàn đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản đạt hiệu quả, loại trừ tình hình tội cướp giật tài sản ra khỏi đời sống xã hội. Nghiên cứu nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản từ đó đề ra các biện pháp phòng ngừa nhằm loại trừ triệt để hơn nữa với tình hình loại tội phạm này.

Dựa vào so sánh giai đoạn 3 năm (định gốc 3 năm) cũng thấy được rằng số tội cướp giật tài sản giảm. Từ năm 2013 đến năm 2015 có 168 vụ với 218 bị cáo thì đến giai đoạn 3 năm sau từ năm 2015 đến 2017 đã giảm còn 91 vụ với 114 bị cáo. Tuy nhiên số vụ xảy ra vẫn khá cao gây thiệt hại về tài sản cũng như sức khỏe của nạn nhân trong một số trường hợp. (*Bảng 2.3 – phần phụ lục*)

2.1.3. Cơ cấu của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1

2.1.3.1/ Cơ cấu theo đơn vị hành chính cấp phường của Quận 1

Để xác định tính nghiêm trọng của tình hình tội phạm ở các đơn vị hành chính cấp phường, ta đánh giá trên cơ sở tổng hợp 3 yếu tố: số bị cáo, dân số và diện tích.

Bảng 2.4 là phương pháp tính căn cứ vào số dân trên một bị cáo của từng đơn vị cấp phường: Nếu số dân trên một bị cáo càng thấp thì mức độ phạm tội ở đơn vị hành chính ấy càng cao.

Thông qua bảng ta thấy được rằng phường Phạm Ngũ Lão, phường Bến Thành, phường Bến Nghé, có mức độ phạm tội cướp giật tài sản với số dân trên một bị cáo lần lượt là 267,18; 465,08; 490,82 trong đó phường Phạm Ngũ Lão có số dân trên một bị cáo thấp nhất (267,18 người/ 1 bị cáo). Theo đó, phường Phạm Ngũ Lão có mức độ phạm tội cướp giật tài sản cao nhất: cứ 267,18 người dân có một người phạm tội cướp giật tài sản. (*Bảng 2.4 – Phần phụ lục*)

Tội phạm cướp giật tài sản xảy ra nhiều nhất tại phường Phạm Ngũ Lão vì đây là phường có khu phố như Phố tây tập trung nhiều người nước ngoài. Người nước ngoài chính là đối tượng mà các đối tượng phạm tội thường hướng đến để thực hiện hành vi cướp giật tài sản. Lợi dụng sự sơ hở của những người nước ngoài trong việc quản lý tài sản và thường tập trung vào ban đêm, tạo điều kiện dễ dàng cho các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài phường Phạm Ngũ Lão và thì phường có số dân trên bị cáo khá cao đó là phường Bến Thành và Bến Nghé. Đây là hai phường trung tâm của địa bàn Quận thường xuyên tổ chức các sự kiện về văn hóa, văn nghệ tập trung nhiều người, điều này cũng tạo điều kiện cho các đối tượng thực hiện hành vi phạm tội. (*Bảng 2.4 – Phần phụ lục*)

Phường Tân Định có số dân trên một bị cáo cao nhất (2.037,14 người/ 1 bị cáo). Do đó, phường Tân Định có mức độ phạm tội thấp nhất: cứ 2.037,14 người dân thì có một người phạm tội cướp giật tài sản. Số người dân trên một bị cáo trung bình toàn quận là 775 người.

Bảng 2.5 là phương pháp tính căn cứ vào số bị cáo trên diện tích tự nhiên của từng đơn vị cấp phường. Số dân trên diện tích càng nhiều thì mức độ nguy hiểm càng cao.

Qua phân tích, cho ta thấy phường Phạm Ngũ Lão, phường Cầu Ông Lãnh, phường Cô Giang, phường Cầu Kho và phường Bến Thành có số bị cáo trên diện tích tự nhiên cao nhất lần lượt là 169,39; 56,52; 47,22; 45,71 và 38,70. Phường Bến Nghé, phường Đa Kao, phường Tân Định, Phường Nguyễn Cư Trinh và Phường Nguyễn Thái Bình có số bị cáo trên diện tích tự nhiên thấp nhất, lần lượt là 13,65; 19,19; 22,22; 27,63 và 32. (Bảng 2.5 – phần phụ lục)

2.1.3.2/ Cơ cấu theo phương thức thực hiện tội phạm

Đây là cơ cấu rất quan trọng và mang tính chất quyết định. Tác giả nghiên cứu, phân tích 212 bản án sơ thẩm hình sự xét xử tội cướp giật tài sản tại Tòa án nhân dân Quận 1 từ năm 2013 đến năm 2017 theo các tiêu chí chung của phương thức thực hiện tội phạm.

Mô hình đầy đủ của một hành vi phạm tội cố ý bao gồm 3 bước: Bước một là chuẩn bị, bước 2 là thực hiện và bước 3 là che giấu hành vi phạm tội

Bảng 2.6 cho ta thấy số vụ án tội phạm thực hiện chỉ một bước là 10 vụ với 17 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 4,72% số vụ và 6,32% tổng số bị cáo, số vụ án tội phạm thực hiện 2 bước là 154 vụ với 186 bị cáo chiếm tỷ lệ 72,64% số vụ và 69,14% số bị cáo, số vụ án tội phạm thực hiện 3 bước là 57 vụ với 66 bị cáo, chiếm tỷ lệ là 22,64% về số vụ và 24,54% số bị cáo. (Bảng 2.6 – phần phụ lục)

Tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 giai đoạn 2013 - 2017 được thực hiện chủ yếu chỉ qua hai bước tức là chỉ có chuẩn bị và thực hiện, hoặc thực hiện và che giấu. Số vụ án tội phạm thực hiện một bước và ba bước chiếm tỷ lệ thấp trong số vụ và số bị cáo đã được nghiên cứu. Như vậy có thể

nhận xét rằng tội cướp giật tài sản chủ yếu được thực hiện qua hai bước, tức là hành vi có sự chuẩn bị cẩn thận, thực hiện mang tính chất có chủ đích hoặc thực hiện và che giấu hành vi phạm tội.

- Phương tiện gây án.

Qua nghiên cứu bản án thấy được rằng trong 212 bản án xét xử sơ thẩm tội cướp giật tài sản của Tòa án nhân dân Quận 1 các đối tượng thường sử dụng xe gắn máy để thực hiện hành vi cướp giật và sau đó tẩu thoát chiếm 195 vụ với 91,99%. Các đối tượng sử dụng các loại xe như phân khối lớn hoặc các loại xe đã được đôn nòng, tháo biển số hoặc sử dụng biển số giả. Các đối tượng phạm tội sử dụng phương tiện xe mô tô, xe gắn máy lòng vòng trên các tuyến đường để tìm kiếm con mồi. Khi thấy người bị hại sơ hở trong việc quản lý tài sản và khi có điều kiện thuận lợi, các đối tượng sẽ áp sát, nhanh chóng ra tay cướp giật tài sản của người bị hại và nhanh chóng tẩu thoát. Các đối tượng thường tập trung ở các khu phố Tây tập trung nhiều du khách nước ngoài dễ gây án, hoặc những nơi tập trung đông người như chợ Bến Thành, phố đi bộ Nguyễn Huệ.

Số đối tượng thực hiện hành vi phạm tội đi bộ chiếm tỷ lệ ít với 17 vụ chiếm 8,01%. Các vụ thường xảy ra vào những ngày có những sự kiện văn hóa, nghệ thuật tập trung đông người. Đối tượng thực hiện hành vi và dễ dàng trốn thoát. (*Bảng 2.7 – phần phụ lục*)

- Thời gian gây án (*Bảng 2.8 – phần phụ lục*)

Việc xác định thời gian gây án giúp ta xác định được quy luật về thời gian các đối tượng phạm tội để chủ động áp dụng các biện pháp phòng ngừa hiệu quả. Tội cướp giật tài sản xảy ra ở mọi thời điểm. Tuy nhiên có những khoảng thời gian trong ngày, loại tội phạm này thường xảy ra hơn so với thời điểm khác.

Qua bảng 2.8 cho thấy thời gian đối tượng thực hiện hành vi phạm tội từ 18 giờ đến 00 giờ có 100 vụ chiếm tỷ lệ 47,18% cao nhất trong khoảng thời gian khác. Từ sau 12 giờ đến 18 giờ có 57 vụ chiếm 26,88%. Và thời gian từ 00 giờ đến 6 giờ sáng cũng có tỷ lệ khá cao là 40 vụ với 18,87%. Khác với các địa bàn khác của thành phố Hồ Chí Minh, Quận 1 trong thời gian từ 00 giờ đến 6 giờ sáng xảy ra khác nhiều vụ cướp giật tài sản do nạn nhân là người nước ngoài thường ở những nơi công cộng vào thời gian này. Vì vậy từ thời gian gây án cần đưa ra các biện pháp phòng ngừa phù hợp trên địa bàn.

- Địa điểm gây án (*Bảng 2.9 – phần phụ lục*)

Qua nghiên cứu thực tế 212 bản án xét xử tội cướp giật tài sản từ năm 2013 đến 2017, cho thấy địa điểm xảy ra các vụ cướp giật tài sản tập trung chủ yếu trên đường phố với 191 vụ chiếm 90,09%, tội phạm diễn ra tại hẻm, tại nhà, tỷ lệ rất thấp trong 05 năm xảy ra 21 vụ chiếm 9,91%. Đây cũng thể hiện đặc điểm của tội cướp giật tài sản khi mà đối tượng cướp giật được tài sản và nhanh chóng tẩu thoát, chúng sử dụng các phương tiện như xe mô tô, xe gắn máy nên đa số thực hiện trên các đường phố tập trung nhiều người qua lại.

2.1.3.3/ Cơ cấu theo chế tài áp dụng

Cơ cấu theo chế tài áp dụng sẽ là cơ sở để xác định tính chất của tình hình tội cướp giật, mức độ nguy hiểm khung hình phạt của loại tội phạm này

Dựa vào bảng 2.10 thống kê 212 vụ án của TAND Quận 1 thấy được rằng có 9 bị cáo bị phạt tù nhưng cho hưởng án treo chiếm tỷ lệ rất thấp (3,34%). Hầu hết các bị cáo phạm tội cướp giật tài sản đều bị áp dụng hình phạt tù. Hình phạt dưới 3 năm tù là 201 bị cáo (74,72%). Hình phạt tù từ 3 đến dưới 7 năm tù là 59 bị cáo (21,94%). Chế tài đã áp dụng như trên cho thấy tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 là nghiêm trọng.

2.1.3.4/ Cơ cấu theo các đặc điểm nhân thân người phạm tội

Nghiên cứu nhân thân người phạm tội cướp giật tài sản dưới góc độ tội phạm học nhằm xác định nguyên nhân phạm tội thuộc về nhân thân, bên cạnh đó cũng nghiên cứu quá trình hình thành những đặc điểm sai lệch trong nhân cách cá nhân để làm sáng tỏ nguyên nhân sâu xa ở môi trường xã hội, trên cơ sở đó đề ra biện pháp phòng ngừa tình hình tội cướp giật tài sản, giáo dục, cải tạo người phạm tội và ngăn ngừa tái phạm. Ở đây tác giả nghiên cứu nhân thân ở hai khía cạnh đó là đặc điểm tự nhiên và đặc điểm xã hội. Đặc điểm tự nhiên bao gồm: Độ tuổi, giới tính, nơi cư trú; đặc điểm xã hội bao gồm: Trình độ học vấn, nghề nghiệp, đặc điểm về tôn giáo, tín ngưỡng, hoàn cảnh gia đình, tình trạng hôn nhân. Điều này được thể hiện cụ thể như sau:

- Độ tuổi (*Bảng 2.11 – phần phụ lục*)

Bảng 2.11 cho thấy, tỷ lệ người phạm tội cướp giật tài sản có độ tuổi từ đủ 18 tuổi đến dưới 30 tuổi là cao nhất có 183 bị cáo (chiếm 68,03%), độ tuổi này chưa có nhiều kinh nghiệm trong cuộc sống, trong khi môi trường xã hội phức tạp thường xuyên tác động đến họ hình thành những sai lệch trong hành vi, sai lệch về nhu cầu sở hữu tài sản, họ có sức khỏe tuy nhiên không có việc làm hoặc không ổn định sẽ dễ dàng phạm tội. Số bị cáo phạm tội có độ tuổi từ đủ 30 tuổi đến dưới 45 tuổi có 42 bị cáo (chiếm 15,61%). Số bị cáo phạm tội có độ tuổi từ đủ 45 tuổi trở lên có tỷ lệ không đáng kể, 7 bị cáo (chiếm 2,61%). Độ tuổi từ 14 đến dưới 18 tuổi là số người chưa thành niên phạm tội chiếm một vị trí đáng kể: 37 bị cáo (chiếm 13,75%). Đây là vấn đề rất đáng lo ngại, vì độ tuổi này chưa phát triển đầy đủ về thể chất và trí tuệ, chưa hoàn toàn trưởng thành, dễ bị tác động bởi môi trường tiêu cực của xã hội. Và thấy được rằng, tội phạm ngày càng được trẻ hóa khi số người chưa thành niên phạm tội là rất đáng báo động, từ đó cần đưa ra biện pháp phòng ngừa hiệu quả đối với tình hình tội phạm này.

- Giới tính (*Bảng 2.12 – phần phụ lục*)

Bảng 2.12 cho thấy, về giới tính có đến 248 bị cáo là nam giới, chiếm tỷ lệ 92,19%, nữ giới có 21 bị cáo, chiếm tỷ lệ 7,81%.

Đối với loại tội phạm này, đối tượng thực hiện đa số là nam giới bởi vì: Nam giới có được sức khỏe tốt hơn, khả năng hành động nhanh, mạnh mẽ, linh hoạt và tẩu thoát tốt hơn nữ giới nên chiếm tỷ lệ cao hơn hẳn trong tội cướp giật tài sản.

- Nơi cư trú (*Bảng 2.13 – phần phụ lục*)

Bảng 2.13 cho thấy, số bị cáo cư trú tại Quận 1 chỉ có 21 bị cáo (chiếm 7,80%), số bị cáo cư trú ở nơi khác có 239 bị cáo (chiếm 88,85%), số bị cáo không có nơi cư trú có 9 bị cáo chiếm 3,35%

Địa bàn Quận 1 là địa bàn phát triển, là trung tâm văn hóa, chính trị, kinh tế. Địa bàn có nhiều các cơ quan hành chính nhà nước và các công ty, khách sạn. Vì vậy số đối tượng phạm tội chiếm đa số là từ khác đến và thực hiện hành vi phạm tội.

- Trình độ học vấn (*Bảng 2.14 – phần phụ lục*)

Bảng 2.14 cho thấy người phạm tội cướp giật tài sản đa số có trình độ tiểu học và Trung học cơ sở, trình độ trung học cơ sở có 182 bị cáo chiếm 67,66%. Do có trình độ học vấn thấp nên khả năng nhận thức về pháp luật và các vấn đề xã hội của đối tượng này bị hạn chế, do vậy nên họ dễ dàng bị tác động bởi yếu tố tiêu cực trong môi trường sống và dẫn đến thực hiện hành vi cướp giật tài sản.

- Đặc điểm nghề nghiệp (*Bảng 2.15 – phần phụ lục*)

Bảng 2.15 cho thấy đa số người phạm tội cướp giật tài sản là những người không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định. Theo đó, số bị cáo có nghề nghiệp ổn định chỉ có 7 bị cáo (chiếm 2,61%), số bị cáo không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định có 175 bị cáo (chiếm 65,05%) và 87 bị cáo (chiếm 32,34%). Những đối tượng này không có thu nhập, hoặc

thu nhập rất thấp và bấp bênh, có đời sống khó khăn. Do đó, để đáp ứng nhu cầu cuộc sống, cộng với bản tính lười lao động, khi gặp các tác động tiêu cực từ môi trường sống sẽ rất dễ phạm tội cướp giật tài sản nhằm thỏa mãn nhu cầu cá nhân

- Hoàn cảnh gia đình (*Bảng 2.16 – phần phụ lục*)

Bảng 2.16 cho thấy số bị cáo có gia đình không hoàn thiện là 238 bị cáo (chiếm 88,47%), trong khi số bị cáo có gia đình hoàn thiện chỉ có 31 bị cáo chiếm 11,53%.

Số bị cáo có kinh tế gia đình không thuận lợi là 254 bị cáo (chiếm 94,42%) trong khi số bị cáo có kinh tế gia đình thuận lợi chỉ có 15 bị cáo (chiếm 5,58%).

Qua số liệu trên thấy rằng số bị cáo phạm tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 đều có hoàn cảnh gia đình không hoàn thiện và kinh tế không thuận lợi. Hoàn cảnh gia đình là yếu tố có ý nghĩa rất lớn đối với việc hình thành động cơ, mục đích phạm tội và tác động trực tiếp đến cách xử sự của con người. Vì gia đình không hoàn thiện và khó khăn về kinh tế nên hình thành trong cá nhân những sai lệch về nhu cầu đối với tài sản. Họ có nhu cầu về tài sản để sinh sống nhưng thỏa mãn bằng những hành vi sai lệch, vi phạm pháp luật.

- Tình trạng hôn nhân (*bảng 2.17 – phần phụ lục*)

Bảng 2.17 cho thấy số bị cáo chưa kết hôn có 220 bị cáo (chiếm 81,78%) trong khi số bị cáo đã kết hôn chỉ có 49 bị cáo (chiếm 18,22%). Như vậy, đa số bị cáo phạm tội cướp giật tài sản là người chưa kết hôn, chưa có cuộc sống gia đình ổn định.

+ Đặc điểm hành vi phạm tội

Bảng 2.18 cho thấy trong số bị cáo phạm tội cướp giật tài sản thì phần lớn là phạm tội lần đầu với 202 bị cáo chiếm 75,09%. Tuy nhiên, số bị cáo

từng có tiền án, tiền sự vẫn chiếm tỷ lệ khá cao với 67 bị cáo, chiếm 24,91%. (Bảng 2.18 – phần phụ lục)

Bảng 2.19 số bị cáo tái phạm và tái phạm nguy hiểm là 67 bị cáo. Trong đó 56 bị cáo tái phạm chiếm 83,58% và tái phạm nguy hiểm có 11 bị cáo chiếm 16,42%. Đây là vấn đề quan trọng cần được quan tâm trong việc đưa ra các biện pháp phòng ngừa liên quan đến công tác giáo dục và vấn đề tái hòa nhập cộng đồng đối với những người mãn hạn tù trở về địa phương sinh sống. (Bảng 2.19 – phần phụ lục)

2.1.3.5/ Cơ cấu theo đặc điểm nạn nhân (Bảng 2.20 – phần phụ lục)

+ Cơ cấu theo giới tính của nạn nhân

Xét về đặc điểm giới tính của nạn nhân trong tội cướp giật tài sản thì nạn nhân đa số là nữ, chiếm tỷ lệ 81,60% và nạn nhân nam chỉ chiếm tỷ lệ 18,40%. Đây là kết quả phù hợp với đặc điểm của giới tính nữ, thường mang trên người những vật dụng trang sức có giá trị như dây chuyền, hoa tai, lắc vàng và thường sử dụng điện thoại di động ngay trên đường phố. Phụ nữ cũng thường sử dụng ví, túi xách đeo trên người hoặc treo trên xe máy khi tham gia giao thông mà không có biện pháp bảo vệ hữu hiệu, khi bị cướp giật, phụ nữ thường có phản ứng rất chậm, nhanh chóng bị rơi vào tâm lý hoảng loạn nên không có khả năng bảo vệ tài sản, không dám và không có khả năng đuổi bắt nên tội phạm dễ dàng tẩu thoát. Do tâm lý hoảng loạn nên phụ nữ thường không nhớ được đặc điểm, phương tiện và đặc điểm nhận dạng của đối tượng gây án. Vì vậy, đa số phụ nữ là đối tượng “ưa thích” của tội cướp giật tài sản.

Khác với địa bàn khác khi nạn nhân trong các vụ cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 thì nạn nhân hơn một nửa có quốc tịch nước ngoài. Đây là địa bàn có số lượng khách du lịch là người nước ngoài đến rất nhiều và là đối tượng mà tội phạm cướp giật hướng đến. Vì vậy cần đưa ra các biện pháp

phòng ngừa như tuyên truyền phù hợp, đạt hiệu quả, loại trừ tình hình tội phạm ra khỏi đời sống xã hội.

+ Cơ cấu theo tài sản bị cướp giật

Dấu hiệu công khai của hành vi cướp giật tài sản là dấu hiệu đặc trưng của loại tội này, thủ đoạn thực hiện hành vi chiếm đoạt của người cướp giật tài sản là lợi dụng sơ hở, mất cảnh giác của chủ sở hữu tài sản để nhanh chóng tiếp cận, nhanh chóng chiếm đoạt và nhanh chóng tẩu thoát. Do đó tài sản bị cướp giật đều là tài sản có giá trị, gọn nhẹ, dễ giật.

2.1.4. Tính chất tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận 1

Tính chất của tình hình tội phạm thể hiện ở số lượng của các tội phạm nguy hiểm nhất cho xã hội trong cơ cấu của tình hình tội phạm cũng như ở các đặc điểm nhân thân của những người thực hiện tội phạm. Tính chất của tình hình tội phạm được làm sáng tỏ thông qua cơ cấu của nó [39, tr.66].

Tội phạm học xem tính chất của tình hình tội phạm cũng là một đặc điểm định tính của tình hình tội phạm. Nó phản ánh mức độ nguy hiểm, mức độ nghiêm trọng khác nhau của tình hình tội phạm ở từng thời gian, không gian khác nhau thông qua tương quan và tỷ lệ giữa các thành phần tạo nên cơ cấu của tình hình tội phạm.

Phạm vi hoạt động của tội cướp giật tài sản diễn ra trên tất cả các phường của địa bàn Quận 1, trong đó tập trung ở những nơi như các khu phố tập trung nhiều người nước ngoài, những nơi tập trung đông người như chợ Bến Thành, Phố đi bộ Bùi Viện, Nguyễn Huệ hay các công viên. Đây là chính là những nơi mà đối tượng cướp giật thường xuyên thực hiện hành vi phạm tội. Các đối tượng phạm tội cướp giật đa số thực hiện theo hai bước đó là chuẩn bị và thực hiện hành vi phạm tội hoặc thực hiện hành vi phạm tội và che dấu tội phạm. Như vậy các đối tượng khi phạm tội đều có sự chuẩn bị như cách thức, phương án, công cụ, phương tiện gây án.. gây thiệt hại rất lớn về tài sản

của nạn nhân. Các đối tượng phạm tội đều có khó khăn về kinh tế và không có việc làm, để thỏa mãn nhu cầu về tài sản của bản thân, các đối tượng thực hiện hành vi cướp giật tài sản.

Việc nghiên cứu tính chất của tình hình tội cướp giật tài sản là tiền đề để xác định nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1, từ đó đưa ra biện pháp phòng ngừa tội phạm có hiệu quả.

2.2. Nhận diện các nguyên nhân và điều kiện cụ thể của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 giai đoạn 2013 – 2017

2.2.1. Những nguyên nhân và điều kiện khách quan

2.2.1.1/ Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường gia đình

Gia đình là môi trường đầu tiên và quan trọng trực tiếp trong quá trình hình thành nhân cách con người. Các đối tượng phạm tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 đều có sự tác động của yếu tố gia đình. Những yếu tố tiêu cực trong môi trường gia đình bao gồm như:

Gia đình không hoàn thiện là gia đình không có đủ cha hoặc mẹ đã ảnh hưởng tới quá trình hình thành nhân cách. Đây chính là nguyên nhân và điều kiện trực tiếp dẫn đến suy nghĩ lệch lạc của cá nhân.

Gia đình không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau. Sống trong môi trường này sẽ hình thành trong trẻ những lệch lạc về suy nghĩ như không có niềm tin vào cuộc sống, không có ý thức trong việc học của bản thân, đua đòi theo bạn bè đã dẫn đến những hành vi phạm tội.

Gia đình có người vi phạm pháp luật và gặp nhiều khó khăn về kinh tế. Sinh trưởng trong môi trường gia đình này sẽ ảnh hưởng tới quá trình hình thành nhân cách cá nhân con người. Cá nhân sẽ học theo những thói hư tật xấu của những người trong gia đình vi phạm pháp luật, những khó khăn về kinh tế cùng những hạn chế về ý thức pháp luật chính là nguyên nhân cá nhân

có những sai lệch về tài sản, cách thỏa mãn nhu cầu về tài sản, từ đó dễ dàng phạm tội cướp giật tài sản.

Thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 là những người sinh sống trong môi trường gia đình không thuận lợi, khó khăn về kinh tế, cá nhân sẽ có thái độ bất mãn, lười lao động, bỏ học và có nhu cầu về tài sản sẽ thực hiện hành vi phạm các tội xâm phạm sở hữu nói chung, phạm tội cướp giật tài sản nói riêng. Theo thống kê cho thấy trong số 269 bị cáo phạm tội cướp giật tài sản thì có đến 238 bị cáo chiếm 88,47% có gia đình không hoàn thiện. Và cũng trong số các bị cáo đó thì có đến 254 bị cáo chiếm 94,42% sống trong gia đình không thuận lợi về kinh tế. Chính điều này cùng với nhận thức pháp luật còn hạn chế, những sai lệch trong bản thân mỗi cá nhân sẽ dẫn đến đối tượng thực hiện hành vi cướp giật tài sản.

Diễn hình như vụ án cướp giật tài sản do Vũ Tiến H thực hiện.

Đối tượng Vũ Tiến H, giới tính: Nam; sinh năm: 1982; tại Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ văn hóa 9/12, mẹ của H đã chết và cha là Vũ Văn C không quan tâm đến H. Vũ Tiến H đã có tiền án về tội cướp giật tài sản.

Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 29/5/2016, Vũ Tiến H điều khiển xe gắn máy biển số 59L-955.50 lưu thông trên đường Nguyễn Trung Trực, Quận 1 thì thấy anh Trần Công Thành ngồi trên lề đường trước số 25 Nguyễn Trung Trực, phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh đang cầm 01 điện thoại di động Iphone 5S màu trắng nên nảy sinh ý định cướp giật tài sản. H điều khiển xe chạy lên lề đường, dùng tay trái giật điện thoại di động của anh Thành rồi tăng ga tẩu thoát. Lúc này, anh Thành cùng vợ là chị Huỳnh Thị Thiên Hương truy hô, chạy bộ đuổi theo. Khi đến ngã tư Nguyễn Trung Trực – Lý Tự Trọng phường Bến Thành Quận 1 thì bị hai anh là Phạm Quốc Tuấn và Lê Văn Thanh Tâm chặn đường, đạp ngã xe bắt Hiếu, thu giữ vật chứng

giao Công an phường Bến Thành, Quận 1 lập biên bản phạm tội quả tang chuyển giao Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an Quận 1 xử lý theo thẩm quyền

(Bản án số: 417/2016/HSTT ngày 23/11/2016 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh)

Ví dụ vụ án: Nguyễn Công D – phạm tội cướp giật tài sản (Điều 136 Bộ luật hình sự năm 1999):

Nguyễn Công D sinh năm 1985, là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, gia đình cha mẹ ly hôn và gặp nhiều khó khăn về kinh tế. Khoảng 23 giờ 30 phút ngày 24/02/2017, Nguyễn Công D điều khiển xe mô tô Luvias hiệu Yamaha, biển số 59L1-537.39 trên đường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, D nhìn thấy ông FDH (quốc tịch Đan Mạch) và bà OKA (quốc tịch Ba Lan) đang đi bộ trên lề đường Nguyễn Thái Học, hướng ra đại lộ Đông Tây, bà OKA đi phía ngoài, trên tay cầm 01 bóp da màu đen liền nảy sinh ý định cướp giật bóp của bà OKA. D điều khiển xe mô tô vượt lên phía trước, rồi quay đầu xe chạy ngược chiều, áp sát bên trái bà OKA, dùng tay trái giật bóp của bà OKA rồi tẩu thoát về hướng đường Trần Hưng Đạo. Bà OKA tri hô thì có anh Nguyễn Minh Đ đang ngồi trước nhà số 183 Nguyễn Thái Học, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1 nghe tiếng tri hô nên ném ghế nhựa vào đầu xe của D làm D ngã xuống đường và bị anh Huỳnh Công Quốc Đ, Nguyễn Văn H (là bảo vệ tổ dân phố phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1) bắt giữ cùng tang vật.

(Bản án số 283/2017/HSTT ngày 11/08/2017 của TAND Quận 1)

Như vậy qua vụ án trên thấy được rằng, một trong những nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của Nguyễn Công D là sự tác động của môi trường gia đình cha mẹ ly hôn, gặp nhiều khó khăn về kinh tế. Vì vậy khi có nhu cầu về tài sản D đã thực hiện hành vi cướp giật tài sản.

2.2.1.2/ Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường nhà trường

Môi trường nhà trường có vai trò quan trọng trong việc rèn luyện và hoàn thiện nhân cách của mỗi cá nhân. Tuy nhiên hiện nay vẫn còn tồn tại một số yếu tố tiêu cực thuộc môi trường nhà trường từ đó ảnh hưởng tới quá trình hình thành nhân cách của cá nhân như:

- + Cơ chế quản lý trong nhà trường còn lỏng lẻo, không có sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình. Khi các học sinh có những biểu hiện lệch chuẩn như: thường xuyên trốn học, thích đua đòi nhưng không được gia đình và thầy, cô phát hiện kịp thời để giáo dục, uốn nắn. Cá biệt có một số trường hợp đã phát hiện nhưng gia đình và thầy, cô lại thiếu các giải pháp hữu hiệu trong phối hợp quản lý, giáo dục và giúp đỡ học sinh khắc phục.

- + Nhà trường đề cao kiến thức sách vở mà không rèn luyện kỹ năng sống cho cá nhân từ đó hình thành tâm lý chán nản, không tự tin trong cuộc sống.

- + Hiện nay một số giáo viên chưa là tấm gương để học sinh noi theo. Một số giáo viên chưa có thái độ và tâm huyết đối với công tác giảng dạy. Vì lợi ích kinh tế đã không chú trọng đến công việc mà chạy theo đồng tiền mở các lớp học thêm tràn lan.

Khi nghiên cứu về trình độ văn hóa đối với các bị cáo phạm tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 thì ta thấy có 182 và 47 bị cáo có trình độ trung học cơ sở và tiểu học chiếm 67,66% và 17,54% trong tổng số 269 bị cáo. Điều này rất đáng báo động, chính trình độ văn hóa thấp sẽ là nguyên nhân để cá nhân không nhận thức được hành vi của mình, hoặc nhận thức không đúng đắn.

Diễn hình như vụ án Trần Hảo N phạm tội cướp giật tài sản.

Trần Hảo N sinh năm 1990, là đối tượng thường xuyên bỏ học, Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 30/6/2016, Trần Hảo N một mình điều khiển xe mô tô loại xe Yamaha Mio Classico, biển số 59K1-87622. Khi dừng xe chờ đèn xanh tại giao lộ đường Nguyễn Thị Nghĩa với Lê Lai, phường Bến Thành, Quận 1, N nhìn thấy bà BNB (Quốc tịch Mỹ) và ông AAB (Quốc tịch Mỹ)

đang đi bộ băng qua đường, trên vai bà BNB có đeo một túi xách, N liền nảy sinh ý định cướp giật tài sản. N điều khiển xe mô tô chạy áp sát từ phía sau bên phải bà BNB, dùng tay trái giật chiếc túi xách nêu trên, nhưng bà BNB giật lại được, làm chiếc túi xách bị rách ở mặt trước. Cướp giật chiếc túi xách không thành công, N tăng ga chạy tẩu thoát. Lúc này, anh Đào Tiến Toàn, anh Nguyễn Quang Tuyền (là Công an Quận 1) đang đi tuần tra và anh Mã Đại Khoa đang đi trên đường chứng kiến sự việc. Anh Tuyền, Toàn truy đuổi N qua các tuyến đường, anh Toàn bắn súng chỉ thiên 03 phát nhưng N không dừng xe. Anh Toàn tiếp tục bắn vào xe làm đạn trúng chân trái của N nhưng N tiếp tục bỏ chạy. Khi đến trước nhà số 37 Đỗ Quang Đẩu, phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1 thì bắt được N đưa về cơ quan Công an.

(Bản án số 235/2017/HSST ngày 17/07/2017 của TAND Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh)

2.2.1.3/ Những yếu tố tiêu cực thuộc môi trường kinh tế, xã hội

Quận 1 là Quận trung tâm về kinh tế, văn hóa xã hội của cả nước nói chung, thành phố Hồ Chí Minh nói riêng. Là quận có sự phát triển về môi trường kinh tế, xã hội nhất cả nước. Tuy nhiên, trong sự phát triển đó cũng dẫn đến những yếu tố tiêu cực là nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm. Sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội, những người có trình độ văn hóa thấp khó tìm kiếm việc làm trong môi trường phát triển như vậy. Từ những yếu tố tiêu cực đó dẫn đến nhu cầu lợi ích vật chất của một số cá nhân được thực hiện bằng hành vi sai lệch để thỏa mãn nhu cầu về tài sản.

Bên cạnh đó, Quận 1 là trung tâm phát triển về kinh tế nhất cả nước, tập trung nhiều khách du lịch. Địa bàn quận thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa – nghệ thuật thu hút hàng nghìn người từ khắp nơi về tham dự. Đây sẽ là môi trường tạo điều kiện cho các đối tượng thực hiện hành vi cướp giật tài sản. theo thống kê cho thấy, tình hình tội cướp giật tăng cao trong

những ngày tổ chức các hoạt động chào mừng như: Đường hoa Nguyễn Huệ trong dịp tết nguyên đán hàng năm, các khu vực Phố tây tập trung nhiều người nước ngoài trong các dịp lễ, tết.

Theo thống kê cho thấy, trong các phường của Quận 1 thì tình hình tội cướp giật tài sản xảy ra nhiều nhất tại phường Phạm Ngũ Lão, đây chính là phường có khu phố Tây tập trung nhiều người nước ngoài. Sau phường Phạm Ngũ Lão là phường Bến Thành và Bến Nghé, đây cũng là hai phường có tỷ lệ tội cướp giật xảy ra khá cao trong địa bàn quận. Vì vậy cần có những biện pháp phòng ngừa đạt hiệu quả.

2.2.1.4/ Những yếu tố tiêu cực trong lĩnh vực quản lý nhà nước

Bên cạnh những nguyên nhân về kinh tế xã hội thì vấn đề quản lý nhà nước vẫn còn nhiều bất cập.

Thứ nhất, là hạn chế trong việc quản lý nhân khẩu, hộ khẩu nhất là đối với người tỉnh ngoài vào Thành phố Hồ Chí Minh làm ăn, sinh sống. Thực tế cho thấy, công tác quản lý nhân khẩu, hộ khẩu trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh còn chưa tốt, tình trạng đăng ký hộ khẩu nơi này nhưng lại ở nơi khác hoặc không đăng ký hộ khẩu, không đăng ký tạm trú, tạm vắng. Tình trạng thanh thiếu niên bỏ nhà đi thuê nhà để ở và hoạt động phạm tội gia tăng đã gây khó khăn cho công tác phòng ngừa tội phạm về các tội xâm phạm sở hữu đặc biệt là tội cướp giật tài sản. Đa số các bị cáo phạm tội cướp giật tài sản ở chỗ trọ là nơi không có đăng ký thường trú hay tạm trú và thường ở những khu vực, địa bàn khác đến Quận 1 để thực hiện hành vi phạm tội.

Thứ hai, hạn chế trong các hoạt động tuần tra kiểm soát an ninh trật tự. Lực lượng dân phòng, Cảnh sát khu vực chưa phát huy tích cực vai trò của mình trong công tác tuần tra, kiểm soát. Thực tế có những điểm tụ tập nhiều đối tượng trong thời gian dài nhưng chính quyền địa phương không phát hiện, người dân địa phương hoang mang lo lắng nhưng không dám trình báo cơ

quan chức năng. Ngoài ra cũng chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa tổ dân phố, cảnh sát khu vực trong việc tuần tra, kiểm soát và phát hiện tội phạm. Các cơ quan chỉ chú trọng vào việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể của mình đã làm cho công tác phối hợp đấu tranh phòng chống tội phạm bị rời rạc, không có sự đồng bộ từ giai đoạn phát hiện, điều tra và truy tố.

Thứ ba, là hạn chế trong việc phát hiện và xử lý hành vi phạm tội. Trách nhiệm này chủ yếu thuộc về các cơ quan bảo vệ và thực thi pháp luật trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án.. Tuy nhiên, vẫn tồn tại một số hạn chế nhất định đã ảnh hưởng đến hiệu quả đấu tranh phòng ngừa tội phạm: Các cơ quan tiến hành tố tụng như Công an, Viện kiểm sát, Tòa án chưa chú trọng nhiều đến các biện pháp phòng ngừa tội phạm; một số cán bộ trình độ nghiệp vụ còn hạn chế, trong khi đó các đối tượng thực hiện hành vi này ngày càng tinh vi và xảo quyệt làm cho công tác phát hiện tội phạm không kịp thời.

Thứ tư, là công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật cho nhân dân trên địa bàn còn hạn chế. Là quận tập trung nhiều nhiều cơ quan hành chính quan trọng của thành phố, hàng ngày địa bàn quận tập trung rất nhiều người đến làm việc và tham quan. Điều này gây khó khăn cho công tác tuyên truyền về pháp luật, về biện pháp phòng ngừa với các tội phạm nói chung, tội cướp giật tài sản nói riêng. Đặc biệt, Quận 1 tập trung nhiều người nước ngoài của các nước khác nhau đến sinh sống và làm việc vì vậy công tác tuyên truyền còn nhiều bất cập như về ngôn ngữ, phong tục, đời sống sinh hoạt khác nhau gây khó khăn cho công tác phòng ngừa tội phạm.

2.2.1.5/ Nguyên nhân từ phía nạn nhân

Nạn nhân của tội phạm là những cá nhân chịu thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, tinh thần, tình cảm, tài sản hoặc các quyền và lợi ích hợp pháp khác do hành vi phạm tội trực tiếp gây ra. Thực trạng trên địa bàn Quận 1 các vụ án

cướp giật tài sản cho thấy nguyên nhân từ phía nạn nhân cũng là vấn đề cần được quan tâm. Khác với địa bàn các quận trong thành phố Hồ Chí Minh, Quận 1 là trung tâm văn hóa, kinh tế, du lịch, vì vậy hàng năm đón hàng triệu khách du lịch là người nước ngoài đến làm việc và tham quan. Chính yếu tố là người nước ngoài càng là nguy cơ gia tăng là nạn nhân của tội phạm. Khi nghiên cứu các nạn nhân trong các vụ án cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 thì có đến hơn 50% nạn nhân là người nước ngoài.

Những đặc điểm của người nước ngoài gia tăng nguy cơ là nạn nhân của tội phạm cướp giật tài sản trên địa bàn tỉnh như: Người nước ngoài không có sự quản lý tài sản, chưa ý thức được việc bảo vệ tài sản nên thường hờ hênh khi sử dụng những tài sản có giá trị như điện thoại, máy ảnh... vào thời gian ban đêm hoặc khi đến tham quan trên các đường phố, và khi là đối tượng của tội cướp giật tài sản thì nạn nhân chống cự không mạnh mẽ, quyết liệt để lấy lại tài sản.

Diễn hình như vụ án: Khoảng 12 giờ ngày 04/4/2017, Nguyễn Văn H gặp Nguyễn Đình P đang chạy xe máy trong hẻm 157 đường A, Phường B, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Do không có tiền tiêu xài, H rủ P đi cướp giật tài sản thì P đồng ý. P đưa H chiếc xe gắn máy (không rõ biển số) để H điều khiển chở P đi. Khi đến trước nhà số 49A đường S, Phường Z, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, P nhìn thấy chị Wong So Ha (quốc tịch: Malaysia) đang đứng mua đồ, trên tay trái chị Ha cầm cái bóp và chiếc điện thoại di động. H dừng xe để P đi bộ tiếp cận chị Ha. P dùng tay trái giật lấy cái bóp của chị Ha đang cầm trên tay rồi bỏ chạy ra chỗ H đang nổ máy xe chờ sẵn chờ nhau tẩu thoát.

2.2.2. Những nguyên nhân và điều kiện chủ quan

2.2.2.1/ Những yếu tố tiêu cực thuộc ý thức cá nhân người phạm tội

Thứ nhất, hạn chế về ý thức pháp luật cá nhân.

Một trong những yếu tố dẫn tới việc thực hiện tội phạm xâm phạm sở hữu nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng là do các đối tượng phạm tội có sai lệch trong ý thức pháp luật. Ý thức nói chung và ý thức pháp luật của cá nhân có vai trò điều chỉnh hành vi xã hội của cá nhân. Những người phạm tội không nhận thức được hoặc nhận thức hạn chế hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Họ có trình độ văn hóa thấp, thiếu khả năng lĩnh hội, không tự nhận thức, đánh giá đâu là hành động hợp pháp, đâu là hành động bất hợp pháp. Theo thống kê của tòa án nhân dân Quận 1 trong giai đoạn 2013 đến 2017 về trình độ học vấn của các bị cáo thì có đến hơn 80% bị cáo có trình độ tiểu học và trung học cơ sở.

Người phạm tội có hạn chế về ý thức pháp luật còn được thể hiện bằng việc chống đối pháp luật. Sai lệch này được biểu hiện chủ yếu ở những người phạm tội tái phạm, tái phạm nguy hiểm. Những người này đã biết những điều cấm được quy định trong BLHS, đã bị gia đình, bạn bè, nhà trường, xã hội lên án, đã bị xét xử bằng một bản án hình sự và chấp hành hình phạt theo quy định của pháp luật. Thế nhưng họ vẫn phạm tội, điều đó có nghĩa là họ đã phủ nhận pháp luật, phủ nhận những điều họ biết về pháp luật, hành xử theo hướng chống đối pháp luật, một khuynh hướng có quan hệ gắn bó với chủ nghĩa hư vô pháp luật. Họ đặt nhu cầu, mục đích, sở thích cá nhân cao hơn pháp luật; họ sẵn sàng vượt qua rào chắn để thực hiện cho được mục đích của mình dù họ biết hành vi đó sẽ bị pháp luật trừng trị, xã hội lên án [26, tr.56-58].

Thứ hai, sai lệch về nhu cầu và cách thỏa mãn nhu cầu

Mỗi cá nhân đều có nhu cầu về tài sản, đó là nhu cầu cần thiết và cơ bản của mỗi con người. Đối với đối tượng phạm tội cướp giật tài sản để thỏa mãn nhu cầu họ sẽ thực hiện bằng việc chiếm đoạt tài sản của người khác thông qua hành vi cướp giật.

Thứ ba, xem thường các chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực pháp luật

Chuẩn mực đạo đức, chuẩn mực xã hội là những yếu tố mà mỗi con người trong xã hội cần hướng tới. Những chuẩn mực đặt ra là để con người hướng đến để hoàn thiện nhân cách. Chủ thể của hành vi phạm các tội xâm phạm sở hữu nói chung, tội cướp giật tài sản nói riêng có những sai lệch này do nhiều yếu tố khách quan, do nhận thức chưa đúng về những chuẩn mực đạo đức và ứng xử trong đời sống xã hội, trong đó có chuẩn mực về tôn trọng quyền sở hữu tài sản. Những sai lệch này kết hợp với sai lệch về ý thức pháp luật, sự khó khăn trong kinh tế, sự thiếu hụt tình cảm đã dẫn đến hình thành ý thức thực hiện hành vi phạm tội. Về chủ quan, chủ thể hành vi phạm tội có nhận thức áp đặt rằng họ có quyền được xâm phạm quyền sở hữu của người khác và được biện minh bằng nhiều lý do như gia đình nghèo khó để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Coi thường chuẩn mực đạo đức, pháp luật, để từ đó cá nhân thực hiện hành vi cướp giật để sở hữu tài sản.

2.2.2.2/ Nguyên nhân và điều kiện chủ quan

Quá trình hiện thực hoá hành vi phạm tội là bước mà chủ thể trực tiếp thực hiện hành vi bằng các thao tác cụ thể, bằng hành động cụ thể. Chủ thể tác động trực tiếp vào khách thể được pháp luật bảo vệ để thỏa mãn nhu cầu tức là động cơ, mục đích đã được cụ thể hoá. Đó là những hành vi khách quan, sự biểu hiện ra bên ngoài của hành vi phạm tội. Khi có nhu cầu và đã nhìn thấy lợi ích thì chủ thể hành vi sẽ định ra kế hoạch hành động. Đây chính là bước chuẩn bị cho thực hiện hành vi. Chủ thể xác định mục đích trực tiếp, đối tượng tác động của hành vi, phương tiện, địa điểm, thời gian thực hiện... Ở bước này, chủ thể chuẩn bị cả những điều kiện vật chất và tinh thần cho việc thực hiện hành vi phạm cướp giật tài sản

2.3. Những hạn chế trong công tác tổ chức phòng, chống tội phạm

Trong những năm qua công tác đấu tranh phòng chống tội phạm trên địa bàn Quận 1 luôn được các Cấp ủy đảng, chính quyền và các tổ chức xã hội trên địa bàn quận quan tâm đã đạt được những hiệu quả nhất định. Tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội được đảm bảo tạo điều kiện cho sự phát về kinh tế, xã hội, đảm bảo trong hoạt động các cơ quan hành chính quan trọng trên địa bàn. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đã đạt được thì các chủ thể được giao nhiệm vụ phòng chống tội phạm còn nhiều hạn chế, bất cập như sau:

- Đối với cơ quan Công an:

Đây là lực lượng nòng cốt, chủ công trong phòng, chống tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng nói riêng. Bên cạnh những kết quả đã đạt được thì công tác phòng chống tội cướp giật tài sản của ngành công an còn nhiều hạn chế. Điển hình là việc tiếp nhận và xử lý thông tin tội phạm cướp giật còn chưa được chú trọng, còn chông chéo, lúng túng, chưa triệt để. Các mô hình như tổ tự quản, hòm thư tố giác tội phạm được bố trí nhiều, nhưng mang tính hình thức, chưa thật sự phát huy tính hiệu quả. Sự phối hợp giữa các bộ phận nghiệp vụ trong lực lượng công an với các ngành, các cấp trong thực hiện các hoạt động có liên quan đến phòng chống tội phạm này chưa đồng bộ.

Một số cán bộ công an thực hiện công tác trên địa bàn quận còn hạn chế về nghiệp vụ và trình độ ngoại ngữ nên gây khó khăn trong công tác tiếp nhận thông tin khi nạn nhân là người nước ngoài, thu thập thông tin không đầy đủ gây khó khăn cho công tác điều tra xử lý.

Bên cạnh đó, các tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận hiện nay sau khi gây án bỏ chạy qua các quận khác gây khó khăn cho công tác điều tra xử lý. Một số nạn nhân là người nước ngoài khi bị cướp giật tài sản nhưng không

đến trình báo, vì vậy trên thực tế, tình hình tội phạm ẩn về tội này còn rất cao, từ đó quá trình điều tra, xử lý còn bỏ lọt tội phạm.

- Đối với cơ quan Viện kiểm sát nhân dân.

Với chức năng thực hiện quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp do pháp luật quy định, thời gian qua, công tác phòng, chống tội cướp giật tài sản của Viện kiểm sát hai cấp đã làm khá tốt. Tuy nhiên, qua thực tế vẫn bộc lộ nhiều hạn chế: Viện kiểm sát chưa thật sự quan tâm đến các biện pháp phòng ngừa, chưa chú ý nhiều đến việc tìm, triệt tiêu nguyên nhân và điều kiện nhằm ngăn chặn, tiến tới loại dần tội phạm ra khỏi đời sống xã hội mà chủ yếu tập trung vào công tác kiểm sát hoạt động điều tra, ít chú ý đến công tác phối hợp với Cơ quan điều tra để làm rõ các vấn đề liên quan đến tội phạm và điều tra các hành vi phạm tội. Tinh thần trách nhiệm của một số Kiểm sát viên trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm chưa cao, khi được phân công thực hiện quyền công tố Kiểm sát viên chưa tập trung nghiên cứu sâu hồ sơ, chưa kiểm sát chặt chẽ tiến độ, các hoạt động điều tra và việc đánh giá chứng cứ nên khi xem xét quyết định truy tố gặp nhiều khó khăn và kéo dài.

- Đối với Tòa án nhân dân

Trong thời gian qua, cơ quan tòa án đã thực hiện đúng trách nhiệm và quyền hạn của mình trong công tác xét xử, đạt được những hiệu quả nhất định. Tuy nhiên vẫn tồn tại hạn chế như: Đội ngũ Thẩm phán có chất lượng không đồng đều, một số Thẩm phán khi giải quyết vụ án chưa đảm bảo thấu tình đạt lý, còn mang nặng tính hình thức và áp dụng pháp luật một cách quá máy móc. Lực lượng Hội thẩm nhân dân có trình độ pháp luật còn hạn chế, thực tế có nhiều Hội thẩm khi ra phiên tòa xét xử không nghiên cứu hồ sơ vụ án, thụ động trong quyết định và phụ thuộc vào Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.

Tiểu kết Chương 2

Nghiên cứu thực trạng nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 là vấn đề hết sức quan trọng, làm cơ sở cho việc đề ra các biện pháp phòng, chống tội phạm này có hiệu quả

Tình hình tội cướp giật tài sản là kết quả của sự tác động qua lại giữa các hiện tượng, quá trình xã hội tiêu cực làm phát sinh tội phạm đó tồn tại trong môi trường sống và ngay trong người phạm tội, có liên quan đến các nhóm chủ thể: Người phạm tội, các cơ quan, tổ chức có chức năng phòng, chống loại tội phạm này.

Từ những nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh cần có biện pháp phù hợp để ngăn chặn, từng bước loại trừ nhằm góp phần đấu tranh có hiệu quả với tội phạm này, từ đó có cơ sở dự báo tình hình tội phạm trong tương lai và cuối cùng là thiết kế các biện pháp phòng ngừa hiệu quả cho tình hình tội phạm này góp phần đảm bảo an ninh trật tự, tạo điều kiện để quận là trung tâm văn hóa, kinh tế, xã hội của cả nước nói chung, thành phố Hồ Chí Minh nói riêng.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP LOẠI TRỪ NGUYÊN NHÂN VÀ ĐIỀU KIỆN

TÌNH HÌNH TỘI CƯỚP GIẬT TÀI SẢN

TRÊN ĐỊA BÀN QUẬN 1, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Dự báo tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

3.1.1. Cơ sở dự báo

Dự báo tình hình tội phạm là một hoạt động quan trọng và không thể thiếu khi nghiên cứu về vấn đề tội phạm đang xảy ra hiện nay. Từ công tác dự báo sẽ nắm được tình hình tội phạm xảy ra trong tương lai cũng như đề ra được các biện pháp phòng ngừa đạt hiệu quả, phù hợp với tình hình thực tế địa bàn

Dự báo tình hình tội phạm, về nguyên tắc là dự báo bức tranh tội phạm có thể xảy ra trong tương lai về mặt mức độ, động thái, cơ cấu cũng như những diễn biến cụ thể. Nó chính là cơ sở cho việc xây dựng các chương trình và kế hoạch phòng ngừa tội phạm trong phạm vi cả nước hay từng khu vực địa lý nhất định.

Thông qua dự báo tình hình tội phạm có thể đưa ra những phán đoán khoa học về khả năng diễn biến của tình hình các tội xâm phạm sở hữu, trong đó có tội cướp giật tài sản (về xu hướng, mức độ, cơ cấu, phương thức hoạt động, thủ đoạn...) sẽ diễn ra trong tương lai. Việc dự báo này nhằm đề ra các giải pháp hữu hiệu nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng ngừa tình hình tội phạm nói chung, tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận nói riêng

Để dự báo một cách khoa học và chính xác cần dựa trên những cơ sở dự báo sau:

Thứ nhất, số liệu về tình hình cướp giật tài sản trên địa bàn trong thời gian nghiên cứu từ năm 2013 đến 2017.

Thứ hai, các điều kiện kinh tế - xã hội của địa bàn Quận 1 trong một quá trình phát triển.

Thứ ba, hiệu quả hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm của hệ thống tư pháp hình sự.

3.1.2. Nội dung dự báo tình hình tội cướp giật tài sản

Dựa vào kết quả nghiên cứu thực trạng nhận thức của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 và việc xác định các yếu tố tiêu cực thuộc về nguyên nhân và điều kiện của tình hình loại tội phạm này, kết hợp với việc nắm bắt tình hình phát triển kinh tế xã hội trên phạm vi cả nước, của Thành phố Hồ Chí Minh và của riêng Quận 1, đặc biệt dựa trên những cơ sở dự báo đã phân tích, cho phép chúng ta dự báo tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 trong thời gian tới.

Là Quận trung tâm của Thành phố, tập trung nhiều cơ quan hành chính nhà nước, phát triển nhất cả nước nói chung, của Thành phố nói riêng về kinh tế, văn hóa, chính trị. Đặc biệt Quận 1 là trung tâm tổ chức các sự kiện lớn của đất nước trong những năm tới, hàng năm đón hàng triệu khách du lịch đến làm việc và tham quan. Từ đó, có thể đưa ra một số dự báo sau:

Thứ nhất, tình hình hoạt động của tội này vẫn diễn ra chiếm tỷ lệ cao trong tổng số vụ án xảy ra trên địa bàn Quận 1. Mức độ gây thiệt hại về tài sản ngày càng cao. Ngoài thiệt hại về tài sản còn ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn, ảnh hưởng không nhỏ đến hình ảnh của Quận 1 đối với các khách du lịch đến làm việc và tham quan.

Thứ hai, là phương thức và thủ đoạn, các đối tượng cướp giật tài sản vẫn sử dụng phương tiện để đi cướp giật là xe mô tô, Các đối tượng cướp giật tài sản có xu hướng sử dụng vũ khí, công cụ hỗ trợ trong trường hợp bị phát hiện, tấn công nạn nhân và người truy bắt để tẩu thoát. Chúng thường sử dụng

xe mô tô gắn biển số giả, bẻ cong biển số hoặc thay đổi biển số, màu sơn của xe nhằm tránh sự truy xét của cơ quan chức năng.

Thứ ba, về địa bàn hoạt động và thời gian gây án. Đối tượng vẫn tập trung ở những nơi có nhiều khách du lịch là người nước ngoài để cướp giật tài sản, các khu phố Tây phường Phạm Ngũ Lão, tại Phố đi bộ Nguyễn Huệ tập trung đông người, chợ Bến Thành và các khu công viên trên địa bàn. Thời gian các đối tượng thực hiện thường vào ban đêm khi nạn nhân sơ hở trong việc quản lý tài sản.

Thứ tư, về tài sản bị xâm hại, những tài sản phổ biến hiện nay như túi xách (bên trong có tài sản), đồ trang sức, thiết bị điện tử (máy tính xách tay, máy quay phim, máy ảnh kỹ thuật số), điện thoại di động... vẫn là mục tiêu mà các đối tượng cướp giật tài sản hướng đến. Đây là những loại tài sản dễ chiếm đoạt, có giá trị lớn, gọn nhẹ, dễ cất giấu, dễ tiêu thụ.

Thứ năm, về đối tượng gây án chủ yếu là nam giới, đa số từ các nơi khác đến gây án. Các đối tượng có tiền án, tiền sự, tiếp tục phạm tội một cách liều lĩnh hơn sau khi được ra tù. Đặc biệt, các đối tượng nghiện hút ma túy, để có tiền thỏa mãn cơn nghiện, sẵn sàng thực hiện mọi hành vi, bất chấp mọi thủ đoạn. Đối tượng gây án ngày càng trẻ hóa, tập trung ở độ tuổi 18-30 tuổi, độ tuổi từ 14 đến dưới 18 sẽ có chiều hướng gia tăng. Về thành phần nghề nghiệp, chủ yếu là những người không có nghề nghiệp hoặc nghề nghiệp không ổn định, không có thu nhập hoặc thu nhập không ổn định, có trình độ học vấn thấp và có cấu trúc gia đình không hoàn thiện.

Trên đây là những dự báo cơ bản về tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 trong thời gian tới. Những nội dung dự báo này cũng cần được nghiên cứu, bổ sung cho sát với tình hình biến động của các yếu tố kinh tế - xã hội cũng như các yếu tố khác có ảnh hưởng đến tình hình tội phạm trong những năm sắp tới. Từ những dự báo này, đặt ra yêu cầu cấp bách cần

có những giải pháp phòng ngừa có hiệu quả tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời gian tới.

3.2. Giải pháp khắc phục nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản và phòng ngừa tình hình tội cướp giật tài sản

Phòng ngừa tội phạm bao gồm 02 bộ phận không thể tách rời nhau, chúng có mối quan hệ biện chứng với nhau, cùng tạo thành nội dung của chiến lược phòng ngừa tội phạm. Một bộ phận gồm các biện pháp tác động vào Nhân, được gọi là các biện pháp loại trừ tội phạm, tức là vấn đề nguyên nhân và điều kiện của THTP. Một bộ phận khác gọi là các biện pháp tác động vào Quả, tức là phản ứng trực diện với hiện trạng của THTP, được gọi là những biện pháp ngăn chặn tội phạm (ngăn chặn không cho tội phạm xảy ra, ngăn chặn không cho tội phạm thực hiện đến cùng và ngăn chặn không cho tái phạm).

Từ quan điểm trên về phòng ngừa tội phạm, hệ thống các biện pháp phòng ngừa cụ thể với tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh được thể hiện như sau:

3.2.1. Biện pháp về chính trị - tư tưởng

Các biện pháp về mặt chính trị hướng vào bồi đắp niềm tin của người dân đối với Đảng và Nhà nước. Nó đảm bảo việc thực hiện những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước trong phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội và phòng ngừa tội phạm.

Điều 3 Hiến pháp năm 2013 quy định: “Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện”. Như vậy, Nhà nước ta công nhận, tôn trọng

bảo vệ và bảo đảm quyền con người, trong đó có quyền bất khả xâm phạm về sở hữu tài sản của công dân.

Để thực hiện biện pháp về chính trị đạt hiệu quả, bảo đảm quyền chính trị của nhân dân, cấp ủy - chính quyền các cấp cần quan tâm, tập trung:

Thứ nhất, tạo ra cơ hội cho người dân tham gia công việc quản lý nhà nước và xã hội, thực hiện thông qua bầu cử và trên nguyên tắc dân chủ; bình đẳng về chính trị, không phân biệt giàu nghèo; thực hiện nghiêm túc phương châm “Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”.

Thứ hai, đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) “Một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”, nhằm tạo chuyển biến mạnh mẽ về năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng với mục tiêu: mang lại ấm no, tự do, hạnh phúc cho nhân dân. Mỗi cán bộ, đảng viên, cơ quan, đơn vị, đoàn thể chính trị - xã hội tích cực tham gia tuyên truyền, phổ biến hiến pháp, pháp luật, cũng chính là góp phần bảo vệ và phát huy quyền con người, xây dựng ý thức “Sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật” cho mỗi công dân.

Thứ ba, không ngừng đổi mới hình thức, nội dung các kỳ họp Quốc hội, Hội đồng nhân dân theo hướng chất lượng, thực chất, dân chủ từ đó góp phần xây dựng bộ máy chính quyền trong sạch, vững mạnh, nhằm bảo đảm tốt hơn quyền dân sự và chính trị của nhân dân.

3.2.2. Các biện pháp về kinh tế - xã hội

Biện pháp kinh tế là một trong những biện pháp cơ bản, được tiến hành một cách thường xuyên và liên tục nhằm hạn chế nguồn gốc phát sinh của nhiều loại tội phạm trong đó có tội phạm cướp giật tài sản. Qua nghiên cứu trên cho thấy, các đối tượng phạm tội cướp giật tài sản đa số từ những địa bàn khác qua địa bàn Quận 1 thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy những giải pháp kinh tế - xã hội đưa ra là những giải pháp chung loại trừ nguyên nhân và điều

kiện phạm tội trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh nói chung, địa bàn Quận 1 nói riêng. Những biện pháp về kinh tế như sau:

Thứ nhất, thực hiện tốt các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tạo công ăn việc làm, hạn chế số người thất nghiệp, thiếu việc làm; đẩy mạnh đào tạo nghề, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư, sản xuất tạo nhiều việc làm, ổn định thu nhập cho nhân dân; thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh-xã hội... nhằm chủ động phòng ngừa các đối tượng phạm tội lợi dụng, lôi kéo thanh thiếu niên thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật.

Thứ hai, phát triển toàn diện kinh tế địa phương, góp phần nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân. Tiếp tục thực hiện tốt các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; tạo điều kiện tối đa ổn định sản xuất, kinh doanh, kiềm chế lạm phát; sử dụng có hiệu quả nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước, ưu tiên đầu tư các công trình, dự án trọng điểm; phấn đấu giữ vững tốc độ phát triển kinh tế hàng năm.

Thứ ba, tạo điều kiện cho doanh nghiệp duy trì và phát triển sản xuất bằng các biện pháp như: Tập trung rà soát, nắm bắt tình hình sản xuất của các doanh nghiệp, tổ chức hội nghị gặp gỡ đối thoại với doanh nghiệp để cùng chia sẻ, đồng hành và giải quyết khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp. Thực hiện các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn, để đầu tư kinh doanh và phát triển sản xuất.

Song song với các biện pháp về kinh tế thì các biện pháp về xã hội cũng giữ một vai trò quan trọng không kém, đặc biệt vấn đề giải quyết việc làm cho người lao động là một biện pháp căn bản và thiết thực để giải quyết vấn đề tội phạm. Từ cơ cấu về nghề nghiệp người phạm tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1, từ đó có thể nhận thấy rằng: không có việc làm ổn định để đảm bảo cuộc sống bản thân là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến tình hình tội cướp giật tài sản không có công việc ổn định, khó khăn về

kinh tế chính là nguyên nhân để các đối tượng đi cướp giật tài sản thỏa mãn nhu cầu vật chất cho bản thân.

Do đó, vấn đề đặt ra của các cấp chính quyền địa phương là phải có cơ chế và biện pháp kiểm soát lực lượng lao động nhằm hạn chế được tỷ lệ người không có việc làm hoặc việc làm không ổn định. Biện pháp xã hội này vừa mang tính trước mắt vừa mang tính chiến lược lâu dài.

Tăng cường khuyến khích doanh nghiệp tham gia giải quyết việc làm cho người nghèo thông qua các chính sách ưu tiên như miễn giảm thuế hoặc hỗ trợ kinh phí đối với các doanh nghiệp để họ tiếp nhận và đào tạo lao động phổ thông, lao động nghèo, người chấp hành xong án phạt tù hay người đi cai nghiện trở về.

Thực hiện tốt chính sách xã hội vừa góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế vừa góp phần thực hiện công bằng xã hội, tạo điều kiện cho các thành viên trong xã hội khắc phục khó khăn trong cuộc sống, hoà nhập được cộng đồng.

Các giải pháp xã hội sẽ đem lại sự công bằng xã hội, công bằng không chỉ đối với người dân, đối với các chủ thể trong xã hội mà còn là công bằng trong từng phạm vi, từng lĩnh vực quản lý nhà nước, công bằng trong chính sách cán bộ, đãi ngộ nhân tài, tuyển dụng và luân chuyển...Đặc biệt là vấn đề tái hòa nhập cộng đồng phải cần được chính quyền địa phương quan tâm và làm cho tốt trong thời gian tới.

3.2.3. Các biện pháp về văn hóa - giáo dục

Biện pháp văn hóa - giáo dục và đào tạo hướng vào tăng cường, nâng cao trình độ dân trí, văn hóa của con người và sự cống hiến vì lợi ích chung của con người không thể không gắn với trình độ văn hóa, nét văn hóa của con người. Các biện pháp văn hóa - giáo dục và đào tạo nhằm hoàn thiện nhân cách con người, hình thành nên con người mới, con người có bản chất xã hội,

chính trị, pháp lý để rồi con người hành động vững vàng trong cuộc sống và hạn chế các biểu hiện tiêu cực trong con người. Đồng thời, nó làm cho con người không lệch chuẩn và nâng cao ý thức pháp luật, giữ gìn truyền thống văn hóa, đậm đà bản sắc dân tộc.

3.2.3.1. Các biện pháp về văn hóa:

Thứ nhất, giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của địa phương và dân tộc. Địa phương phải nâng cao vai trò của khu dân cư văn hóa, đổi mới nhân sự, lựa chọn những cán bộ làm công tác văn hóa có nhiệt tình, có tâm huyết, có đạo đức và nhân cách tốt. Chính quyền phải có hình thức khuyến khích phù hợp để xây tạo ra được phong trào xây dựng khu dân cư văn hóa, làm cho người dân thấy được tính thiết thực và lợi ích của mô hình này, chứ không phải làm một cách hình thức và cho có lệ. Phát động các hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể dục - thể thao với nhiều hình thức khác nhau để giữ gìn các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc.

Thứ hai, xây dựng và phát huy vai trò tổ chức chính trị xã hội trong khu dân cư. Chính quyền cơ sở phải gắn liền chặt chẽ với khu dân cư và khu dân cư phải là phản biện xã hội của chính quyền địa phương. Thực hiện các công tác này chính là biện pháp phòng ngừa hữu hiệu nhất đối với tình hình tội phạm nói chung, tội phạm xâm phạm sở hữu nói riêng.

Thứ ba, chính quyền địa phương cần đầu tư xây dựng, nâng cấp lại trung tâm văn hóa, nhà văn hóa thiếu nhi, trung tâm thể dục thể thao và các khu vui chơi công cộng với nội dung sinh hoạt, vui chơi phải đa dạng, hấp dẫn để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của nhân dân và tầng lớp thanh thiếu nhi địa phương. Hiện nay trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có rất ít những nơi vui chơi giải trí cộng đồng, vì vậy chính quyền cần tạo điều kiện hơn nữa đối với những nơi là vui chơi. Khi tham gia vào các hoạt động xã hội

như vậy sẽ giúp các em có những suy nghĩ tích cực, nhận thức được hành vi của bản thân, không đi vào con đường phạm tội.

3.2.3.2. *Biện pháp về giáo dục và đào tạo:*

Trình độ học vấn cũng là một trong những nguyên nhân làm phát sinh THTP này. Không có học vấn cao sẽ không giúp cá nhân tìm kiếm công việc ổn định và nhận thức được hành vi của mình. Vì vậy, biện pháp về giáo dục phải được xem là một trong những biện pháp quan trọng nhất và được đặt lên hàng đầu trong công tác phòng ngừa THTP. Giáo dục ở đây không dừng lại ở việc giáo dục về trình độ học vấn mà còn là giáo dục về cách sống và giáo dục trong việc phát triển nhân cách con người.

Theo thống kê của TAND Quận 1 thấy được rằng trong các bị cáo phạm tội cướp giật tài sản thì đa số có trình độ học vấn thấp, chỉ có trình độ tiểu học và trung học cơ sở. Đây chính là nguyên nhân chính dẫn đến những nhận thức, sai lệch trong hành vi của cá nhân đó.

Đối với nhà trường và môi trường giáo dục cần thực hiện một số vấn đề sau:

Thứ nhất, cần tạo ra môi trường giáo dục lành mạnh, trong đó chú trọng giáo dục đạo đức, nhân cách và giáo dục các kỹ năng sống, kỹ năng làm việc của học sinh và người học nghề. Đặc biệt, trường học phải giảm tải nội dung kiến thức lý thuyết mà phải tăng cường các hoạt động vui chơi giải trí lành mạnh nhằm khuyến khích và kích thích tinh thần học tập của học sinh nhằm hạn chế tình trạng trốn học và bỏ học giữa chừng để tụ tập bạn bè hút chích và ăn chơi lêu lổng. Phải loại trừ tuyệt đối tình trạng phân biệt đối xử và không công bằng trong nhà trường, đặc biệt là nạn chạy trường chạy lớp cũng như tình trạng dạy thêm và học thêm tràn lan vô bổ như hiện nay.

Thứ hai, xây dựng đội ngũ giáo viên không những giỏi về chuyên môn nghiệp vụ mà có phẩm chất đạo đức, có tâm, có tầm, yêu thương, tận tụy vì

học sinh, cảm hóa, giúp đỡ học sinh hư, cá biệt, giáo dục các em không đi vào con đường phạm tội. Có như vậy, học sinh mới có thái độ tôn trọng và kính nể thầy cô, từ đó mới tôn trọng các quy tắc xử sự của xã hội.

Thứ ba, cần tạo mối quan hệ thường xuyên giữa nhà trường và gia đình trong giáo dục học sinh để kịp thời phát hiện những biểu hiện không tốt, từ đó kịp thời có giải pháp điều chỉnh phù hợp.

3.2.4. Biện pháp tăng cường quản lý xã hội

Thứ nhất, chính quyền cần coi trọng xây dựng hệ thống cơ quan trong bộ máy nhà nước, các cơ quan hành chính cần phải được cơ cấu chặt chẽ, thực hiện tốt cải cách thủ tục hành chính. Từ đó tạo dựng được uy tín, niềm tin trong nhân dân nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Thứ hai, cán bộ các cơ quan chuyên trách cần tăng cường và nâng cao cả về số lượng lẫn chất lượng, trình độ phẩm chất của cán bộ công chức, nhất là đội ngũ làm công tác phong trào, đội ngũ điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán. Ngoài ra cần tạo ra hành lang pháp lý ổn định cho mọi người dân được tham gia tích cực và hoạt động xã hội, kể cả hoạt động quản lý xã hội.

Thứ ba, thành phố Hồ Chí Minh là một thành phố phát triển nhất cả nước, vì vậy những người dân tập trung trên địa bàn ngày một gia tăng, vì vậy cần tăng cường công tác tuần tra kiểm soát, quản lý địa bàn, kiểm tra nhân khẩu và tăng cường sự phối kết hợp giữa các cơ quan chính quyền, ban ngành đoàn thể địa phương, kịp thời phát hiện những vi phạm, biểu hiện tiêu cực dễ chần chừ nhằm ngăn chặn, loại trừ các yếu tố làm phát sinh tình hình tội phạm nói chung tội cướp giật tài sản nói riêng.

Thứ tư, chính quyền cơ sở phải thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong việc tiếp nhận, quản lý, giúp đỡ người có tiền án, tiền sự để họ ổn định cuộc sống, tái hoà nhập cộng đồng trở thành người công dân tốt cho xã hội. Theo thống

kê cho thấy, trong các vụ án cướp giật tài sản, các đối tượng phạm tội có tiền sự chiếm khá cao. Vì vậy cần đề ra các biện pháp phòng ngừa đối với những cá nhân này nhằm ngăn ngừa họ tái phạm, tái phạm nguy hiểm gây ảnh hưởng nghiêm trọng cho xã hội.

3.2.5. Các biện pháp pháp luật

Hệ thống pháp luật về cơ bản đã hoàn thiện và phù hợp yêu cầu phát triển của xã hội nhưng ở một khía cạnh nào đó nó vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh, phòng ngừa tội phạm của xã hội do thiếu tính ổn định và đồng bộ. Bên cạnh đó cần tuyên truyền những quy định của pháp luật đến mọi người chính là cách phòng ngừa có hiệu quả nhất đối với tình hình cướp giật tài sản. Biện pháp về pháp luật cần thực hiện yêu cầu sau:

- Hoàn thiện hơn nữa những quy định của pháp luật gây khó khăn cho công tác phòng, chống tội phạm cướp giật tài sản như: Giải thích cụ thể, rõ ràng các trường hợp quy định là tình tiết định khung để áp dụng thống nhất, tránh áp dụng tùy tiện. Cần quy định rõ ràng và đầy đủ hơn các dấu hiệu “bị phát hiện, bị bắt giữ và đã chống trả nhằm tẩu thoát” hay bị bao vây bắt giữ và đã chống trả nhằm tẩu thoát để xác định đúng tình tiết “hành hung để tẩu thoát”, tránh bỏ sót những trường hợp phải bị tăng nặng trách nhiệm hình sự. Có hướng dẫn cụ thể về phương pháp, kỹ năng, thống nhất đường lối xử lý các hành vi cướp giật tài sản trong các trường hợp chỉ bắt được đối tượng cầm lái (đối tượng trực tiếp cướp giật đã tẩu thoát); trường hợp không xác định bị hại....để tránh bỏ lọt tội phạm cũng như không làm oan người vô tội.

- Tuyên truyền những quy định của pháp luật đến nhân dân trên địa bàn, đặc biệt cần tuyên truyền đối với những người nước ngoài một cách phù hợp những biện pháp phòng ngừa để không trở thành nạn nhân của tội cướp giật tài sản. Ban hành kịp thời những văn bản pháp luật trong công tác đấu tranh phòng, chống với loại tội phạm này đạt hiệu quả trên địa bàn.

3.2.6. Xử lý kịp thời và nghiêm minh tội phạm và người phạm tội

3.2.6.1. *Đẩy mạnh công tác điều tra, truy tố, xét xử*

3.2.6.1.1/ Công tác điều tra tội phạm cướp giật tài sản của lực lượng Công an

Điều tra tội phạm cướp giật tài sản là quá trình thực hiện đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ của ngành Công an như tiếp nhận, xử lý thông tin, điều tra tại hiện trường, sử dụng các biện pháp nghiệp vụ chuyên ngành để nhanh chóng làm rõ hành vi phạm tội, từ đó có biện pháp ngăn chặn kịp thời, chủ động phòng ngừa và tấn công tội phạm.

Tội phạm cướp giật tài sản hiện nay hoạt động không chỉ trong phạm vi một tuyến, một địa bàn quận mà cả thành phố. Trong khi đó, công tác phối hợp, trao đổi thông tin tội phạm giữa các đơn vị, địa phương chưa chặt chẽ, thường xuyên, gây khó khăn cho công tác quản lý đối tượng, phòng ngừa và điều tra, khám phá tội cướp giật tài sản. Vì vậy, cần nâng cao chất lượng tiếp nhận và xử lý thông tin về tin báo tố giác tội phạm; phải xây dựng các đường dây nóng, sử dụng hệ thống bộ đàm nối mạng trong toàn thành phố để các lực lượng kịp thời hỗ trợ truy bắt đối tượng khi đối tượng chạy qua những địa bàn có lực lượng đang thực thi nhiệm vụ. Tăng cường lực lượng Cảnh sát hình sự, Cảnh sát cơ động, Cảnh sát giao thông, cảnh sát khu vực, dân phòng, lực lượng bảo vệ dân phố. Những lực lượng này sẽ thường xuyên tuần tra, kiểm soát tại những địa bàn “nóng”, “trọng điểm”, thường xuyên xảy ra tội cướp giật tài sản. Tăng cường công tác điều tra xử lý đối với loại tội danh “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, góp phần răn đe các đối tượng tiếp tay cho tội phạm cướp giật tài sản, nhất là tại các cửa hàng cầm đồ, cửa hàng mua bán điện thoại, cửa hàng kinh doanh vàng bạc.

Bên cạnh đó cần nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, các kỹ năng nghề nghiệp cho Điều tra viên, đồng thời phải trang bị các phương tiện, thiết bị kỹ thuật hiện đại, đáp ứng được nhu cầu của công việc.

3.2.6.1.2/ Vai trò của Viện kiểm sát nhân dân

Với vai trò kiểm sát các hoạt động tư pháp, Viện kiểm sát có nhiều điều kiện để làm tốt công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm, từ đó chủ động tham mưu cho cấp ủy và chính quyền trong công tác phòng ngừa tội phạm nói chung và tội phạm cướp giật tài sản nói riêng. Yêu cầu đặt ra cho ngành Kiểm sát là “Tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra”, vì vậy phải luôn nâng cao tinh thần trách nhiệm trong đấu tranh phòng, chống tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng. Phải kiểm sát điều tra chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật, tránh oan sai và bỏ lọt tội phạm; công tác công tố phải liên tục, xuyên suốt, bao quát quá trình tố tụng.

Với vai trò giữ quyền công tố trước Tòa, bảo đảm truy tố đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đưa ra được các chứng cứ rõ ràng, chính xác, giám sát chặt chẽ việc thi hành án phạt tù.

3.2.6.1.3/ Công tác xét xử của Tòa án nhân dân

Cần nâng cao chất lượng công tác xét xử, xét xử nghiêm minh đối với loại tội phạm này, áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc hơn nữa bởi những thiệt hại mà tội phạm cướp giật tài sản gây ra, tạo được niềm tin của nhân dân vào chế độ, vào Đảng, vào Nhà nước, góp phần ổn định xã hội. Thông qua việc xét xử, phát hiện những nguyên nhân và điều kiện cũng như các phương thức, thủ đoạn phạm tội mới của tội phạm cướp giật tài sản, kiến nghị với địa phương đề ra các biện pháp phòng ngừa tội phạm cướp giật tài sản có hiệu quả

3.2.6.1.4/ Nâng cao chất lượng hoạt động thi hành án hình sự

Trong quá trình cải tạo phạm nhân, cần phải có những đổi mới về phương thức cải tạo, giáo dục hoàn lương đối với phạm nhân, tạo cho họ một hành trang vững chắc để tái hoà nhập cộng đồng.

Đảm bảo việc tái hoà nhập cộng đồng cho người phạm tội sau khi đã chấp hành hình phạt tù trở về địa phương, giúp họ có việc làm phù hợp, phục vụ cho bản thân và cho xã hội. Cần xây dựng được môi trường xã hội lành mạnh với các điều kiện thuận lợi để các đối tượng này xóa bỏ mặc cảm, tái hoà nhập với cộng đồng. Biện pháp này thuộc về trách nhiệm của các cấp ủy Đảng và chính quyền phường, cần có kế hoạch và hành động cụ thể, khả thi.

3.2.6.2. Các biện pháp ngăn chặn tiềm tàng tội phạm

Là những biện pháp kiểm soát xã hội và quản lý xã hội đối với điều kiện tồn tại của hành vi phạm tội tiềm tàng, người phạm tội tiềm tàng và nạn nhân tiềm tàng của tội phạm nhằm làm tê liệt quá trình chuẩn bị và thực hiện tội phạm [26, tr.12]

Đối với tội phạm cướp giật tài sản, việc ngăn chặn loại tội này phải bao gồm các nhóm biện pháp sau:

Thứ nhất, là nhóm biện pháp quản lý người phạm tội tiềm tàng của tội cướp giật tài sản. Tội phạm tiềm tàng là khái niệm chỉ tội phạm ở trạng thái chưa xảy ra nhưng nó có khả năng xảy ra, tức là trên thực tế có những dấu hiệu nó sẽ xảy ra. Từ các phân tích ở các Chương 1, Chương 2 cho thấy người thực hiện hành vi cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh có đặc điểm chủ yếu là nam giới, trong độ tuổi từ 18 đến dưới 30 tuổi, không có nghề nghiệp ổn định, có trình độ học vấn thấp. Do đó mà trong công tác phòng ngừa các cơ quan chức năng phải đặc biệt lưu ý đến các đối tượng có đặc điểm nhân thân như trên.

Thứ hai, là nhóm biện pháp làm tê liệt quá trình chuẩn bị và thực hiện hành vi phạm tội cướp giật tài sản:

Tội cướp giết tài sản phần lớn được thực hiện trải qua hai giai đoạn là chuẩn bị, thực hiện hành vi hoặc thực hiện hành vi và che giấu hành vi phạm tội. Do đó, cần áp dụng những biện pháp ngăn chặn ngay ở bước chuẩn bị hoặc bước thực hiện hành vi phạm tội bằng nhiều biện pháp với sự tham gia của tất cả nhân dân, cơ quan quản lý và các tổ chức xã hội.

- Thường xuyên tuần tra, kiểm soát ở những nơi thường xuyên có các vụ cướp giết, những nơi tập trung nhiều người nước ngoài như khu phố Tây, những nơi tập trung đông người như phố bộ Nguyễn Huệ... và trong tất cả thời gian trong ngày, trong những ngày lễ, tết hoặc tổ chức các sự kiện văn hóa nghệ thuật thu hút nhiều người tham dự.

- Phối hợp giữa các ban ngành đoàn thể để huy động lực lượng mở các đợt cao điểm phòng, chống tội phạm cướp giết tài sản.

- Tích cực vận động nhân dân nắm được những thủ đoạn, phương thức hoạt động của đối tượng, cách quản lý tài sản, người nước ngoài cần được tuyên truyền về cách thức bảo vệ tài sản.

3.2.6.3. Các biện pháp ngăn chặn tội phạm đang xảy ra

Ngăn chặn tội phạm không chỉ được áp dụng đối với tội phạm tiềm tàng, tức là ở trạng thái chưa xảy ra, mà nó còn có nghĩa, cũng như được áp dụng trong trường hợp tội phạm đang xảy ra. Ở thời điểm này, việc ngăn chặn tội phạm có mục tiêu là không để cho tội phạm được thực hiện đến cùng. Cái nghĩa “*đến cùng*” ở đây là nghĩa về thời gian phạm tội (gây án) ở hai quá trình:

Một là, ngăn chặn ở trường hợp này là chặn đứng hành vi phạm tội đang diễn ra. Và những biện pháp ngăn chặn ở trường hợp này là sự phản ứng tức thì của xã hội đối với hành vi phạm tội đang diễn ra. Các biện pháp này được thực hiện bởi các chủ thể chuyên nghiệp như Công an, lực lượng tuần

tra, cơ động, trực ban v.v... và chủ thể không chuyên nghiệp, tức là mọi người dân sở tại

Hai là, chặn đứng quá trình lặp lại của hành vi phạm tội, không để cho tội phạm được thực hiện nhiều lần.

3.2.6.4. Chú trọng công tác tái hòa nhập cộng đồng, phòng ngừa tái phạm

Là hệ thống các nhóm biện pháp khác nhau mà trước hết là nhóm biện pháp giám sát và trợ giúp tái hoà nhập cộng đồng do gia đình, hàng xóm, tổ dân phố, chính quyền sở tại và các cơ quan chức năng phải quan tâm thực hiện.

Các nhóm biện pháp phòng ngừa tái phạm bao gồm:

- Cải tạo thích hợp và hiệu quả: Hoạt động cải tạo ở đây là nói đến tái hòa nhập cộng đồng của người phạm tội. Có thể nói quá trình tái hòa nhập cộng đồng giữ vai trò quan trọng và quyết định vấn đề tái phạm của người phạm tội. Quá trình này không chỉ được nhìn nhận sau khi bị án chấp hành xong hình phạt trở về địa phương mà còn được xem xét trong các quá trình tố tụng giải quyết vụ án hình sự và thi hành bản án hình sự. Khi truy tố, xét xử và thi hành án đối với người phạm tội, mục đích cuối cùng của các hoạt động đó là để người đó phải chịu sự trừng phạt của pháp luật và cảm hóa giáo dục người phạm tội. Nếu hoạt động tố tụng không nghiêm minh, người phạm tội không nể phục thì công tác giáo dục và cảm hóa là không có tác dụng. Khi đó, người phạm tội sẽ không sợ sự trừng phạt của pháp luật và khi ở vào điều kiện, môi trường thuận lợi, họ sẽ tiếp tục tái phạm.

- Khi bị án chấp hành xong hình phạt tù và trở về địa phương sinh sống, chính quyền địa phương cần có các biện pháp tái hòa nhập cộng đồng có hiệu quả. Công tác này đòi hỏi sự nỗ lực của các cấp, ban ngành và đoàn thể: Dạy văn hóa, hướng nghiệp, dạy nghề, giới thiệu việc làm để đảm bảo cuộc sống

của bản thân và gia đình họ; cần xây dựng và hoàn thiện các trung tâm dạy nghề cho người tái hòa nhập cộng đồng; các biện pháp quản lý và giám sát các đối tượng này cũng cần được sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường, các trung tâm dạy nghề và chính quyền địa phương để hoạt động quản lý và giám sát có hiệu quả.

3.2.7. Nâng cao nhận thức và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và công dân trong phòng ngừa tội phạm.

Thứ nhất, Đối với cơ quan chuyên trách

Là quận trung tâm của thành phố, loại trừ tình hình tội phạm nói chung và tội cướp giật tài sản nói riêng đang là nhiệm vụ cấp bách đặt lên hàng đầu trong giai đoạn hiện nay. Chỉ khi hạn chế, loại trừ được tình hình tội phạm mới ổn định xã hội, tạo môi trường thông thoáng, là điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế, văn hóa, du lịch xứng tầm là trung tâm văn hóa, chính trị, kinh tế của cả nước. Là cơ quan chuyên trách, thực hiện nhiệm vụ đấu tranh cũng như phòng ngừa tội phạm các cơ quan chuyên trách như Công an, Tòa án, Viện kiểm sát cần tăng cường công tác giáo dục về chính trị, tư tưởng, đạo đức nghề nghiệp, bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực công tác cho đội ngũ cán bộ cơ quan chuyên. Bên cạnh công tác giáo dục về tư tưởng chính trị cho đội ngũ cán bộ cơ quan chuyên trách thì để tăng cường nhận thức về nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận cần bồi dưỡng về trình độ chuyên môn. Nhận thức được nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm nói chung, tội cướp giật tài sản nói riêng sẽ góp phần phục vụ công tác đạt hiệu quả.

Bên cạnh công tác bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cần bồi dưỡng cho cán bộ về trình độ vi tính và ngoại ngữ. Là địa bàn quận phát triển nhất cả nước về mọi mặt, tập trung nhiều cơ quan hành chính quan trọng vì vậy trong

công tác phòng ngừa cần áp dụng công nghệ khoa học và bồi dưỡng về trình độ ngoại ngữ vì các nạn nhân đa số là người nước ngoài.

Tổ chức báo cáo chuyên đề thường xuyên, định kỳ tổ chức các đợt sơ kết. Thông qua các báo cáo chuyên đề sẽ tăng cường nhận thức đối với đội ngũ cán bộ cơ quan chuyên trách. Hoặc thông qua các đợt sơ kết, tổng kết cũng giúp cho cơ quan chuyên trách thấy được những ưu điểm, khuyết điểm, tồn tại hạn chế trong công tác của mình để từ đó rút kinh nghiệm để thực hiện tốt hơn

Thứ hai, Đối với cơ quan tổ chức không chuyên và công dân

Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về pháp luật và ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân. Tuyên truyền để nhân dân thấy được phòng chống tội phạm vừa là quyền và nghĩa vụ trách nhiệm của bản thân, đặc biệt tuyên truyền để nhân dân nắm được các phương thức thủ đoạn hoạt động của các đối tượng phạm tội.

Tuyên truyền về cách thức bảo vệ tài sản đối với người nước ngoài đến học tập, sinh sống cũng như tham quan trên địa bàn. Là quận tập trung nhiều người nước ngoài, đặc biệt đông người vào những ngày cuối tuần, tổ chức các sự kiện quan trọng của đất nước. Vì vậy cần chú trọng hơn nữa trong công tác tuyên truyền một cách hợp lý khi những người nước ngoài này từ các quốc gia khác nhau trên thế giới, có sự khác nhau về văn hóa, ngôn ngữ.

Tiểu kết Chương 3

Trên cơ sở dự báo về tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 trong thời gian tới, các giải pháp được nêu nhằm góp phần kiện toàn chủ yếu cho việc hoàn thiện công tác đấu tranh phòng ngừa loại tội này trong thời gian tới.

Các giải pháp chủ yếu hướng vào việc tác động để lành mạnh hóa các môi trường gia đình, nhà trường và xã hội nhằm hạn chế những yếu tố tiêu cực là nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội cướp giết tài sản trên địa bàn Quận 1. Lực lượng thực thi các biện pháp phòng ngừa tội cướp giết tài sản không thể chỉ là lực lượng chuyên trách như Công an, Viện kiểm sát, Tòa án, cơ quan Thi hành án hình sự mà nó còn đòi hỏi sự chung tay của cả hệ thống chính trị và của toàn xã hội. Gia đình, nhà trường, các đoàn thể chính trị-xã hội và chính bản thân những nạn nhân tiềm tàng của loại tội cướp giết tài sản cũng phải chủ động phòng ngừa loại tội phạm này.

KẾT LUẬN

Quận 1 thành phố Hồ Chí Minh đang ngày càng phát triển xứng tầm là trung tâm về văn hóa, kinh tế, chính trị, du lịch của cả nước. Tuy nhiên tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn quận đã và đang ảnh hưởng rất xấu đến trật tự an toàn xã hội. Đặc biệt, nạn cướp giật tài sản trên đường phố đã làm xấu đi hình ảnh của một Quận 1 trong khách du lịch khắp nơi trên thế giới. Chính vì vậy, đấu tranh phòng, chống tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 là yêu cầu cấp thiết hiện nay. Hiệu quả của công tác này là góp phần quan trọng bảo vệ quyền sở hữu, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội và góp phần vào thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Trên cơ sở nghiên cứu số liệu thống kê các vụ án và số người phạm tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 giai đoạn 2013-2017 thấy được rằng:

- Tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 có xu hướng giảm tuy nhiên vẫn diễn ra rất phức tạp ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn. Tác động không nhỏ đến sự phát triển của quận trung tâm về văn hóa, kinh tế, chính trị và hình ảnh của thành phố Hồ Chí Minh

- Người phạm tội chủ yếu là nam giới, phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự. Người phạm tội đa số ở độ tuổi lao động từ 18 đến dưới 30 tuổi, không có nghề nghiệp và có thu nhập không ổn định, có trình độ học vấn thấp; chỉ vì nhằm để thỏa mãn các nhu cầu vật chất của bản thân mà họ đã thực hiện những hành vi bị pháp luật nghiêm cấm. Nguyên nhân và điều kiện của tội cướp giật tài sản chủ yếu là do người phạm tội chỉ muốn hưởng thụ mà lại chây lười lao động, hay do không có việc làm, thu nhập không ổn định, và có những trường hợp phạm tội do gia đình khó khăn; bên cạnh đó còn có các nguyên nhân và điều kiện về kinh tế - xã hội, văn hóa, giáo dục đã làm cho một số người có sự nhận thức sai lệch trong đạo đức, nhân cách và lối sống, thậm chí họ không lường trước tới những hậu quả pháp lý sẽ xảy ra đối với

họ; ngoài ra có cả nguyên nhân và điều kiện đến từ phía người bị hại, đó là ý thức cảnh giác và bảo vệ tài sản chưa cao, đặc biệt nạn nhân trên địa bàn Quận 1 hơn một nửa là người nước ngoài và xảy ra trong các khu phố tập trung đông người.

Các giải pháp chủ yếu hướng vào việc tác động để lành mạnh hóa các môi trường gia đình, nhà trường và xã hội để hạn chế những yếu tố tiêu cực là nguyên nhân, điều kiện của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1. Lực lượng tiến hành các biện pháp phòng ngừa tội cướp giật tài sản phải kết hợp giữa lực lượng chuyên trách như Công an, Viện kiểm sát, Tòa án, cơ quan Thi hành án hình sự và lực lượng không chuyên trách bao gồm cả gia đình, nhà trường, các đoàn thể chính trị - xã hội và chính bản thân những nạn nhân tiềm tàng của loại tội phạm này.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chỉ đạo 138 của Chính phủ (1999), *Kế hoạch số 01/BCĐ 138/CP ngày 10/12/1998 của Chính phủ và Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm.*
2. Bộ Chính trị (2010), *Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 Về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tội phạm trong tình hình mới.*
3. Bộ Chính trị (2015), *Nghị quyết số 49-NQ/TW ngày 02/6/2015 Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020.*
4. Lê Cẩm (2001), *Nhân thân người phạm tội – Một số vấn đề lý luận cơ bản*, Tạp chí Tòa án, (số 11), tr. 5-8
5. Nguyễn Văn Cảnh – Phạm Văn Tĩnh (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Học viện Cảnh sát nhân dân
6. Chi cục Thống kê Quận 1 (2017), *Niên giám thống kê giai đoạn 2013-2017*
7. Chính phủ (2011), *Nghị quyết số 80/2011/NĐ-CP qui định các biện pháp bảo đảm tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù*
8. Trần Quốc Khánh (2014), *Nhận diện nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm cướp giật tài sản do người chưa thành niên thực hiện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh*, Tạp chí Cảnh sát nhân dân điện tử, (số 12), tr 22-24.
9. Trần Thị Hương Lan (2017), *Nguyên nhân và điều kiện của tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn thạc sỹ Luật học, Học viện Khoa học xã hội.
10. Quận ủy Quận 1 (2011), *Chỉ thị số 06-CT/QU ngày 10/01/2011 thực hiện Chỉ thị 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị*
11. Quốc hội (2003), *Bộ luật tố tụng hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb Lao động, Hà Nội

12. Quốc hội (2009), *Bộ luật hình sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam 1999 (Sửa đổi, bổ sung 2009)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
13. Quốc hội (2013), *Hiến pháp Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
14. Lê Nguyên Thanh (2007), *Vấn đề đánh giá hiệu quả phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí khoa học pháp luật, (số 1), tr. 1-5
15. Thành ủy TP. Hồ Chí Minh (2010), *Chương trình hành động số 04-CTr/TU ngày 31/12/2010 thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị*
16. Thủ tướng Chính phủ (2011), *Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 24/02/2011 về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TW ngày 22/10/2010 của Bộ Chính trị*
17. Phạm Văn Tình (1994), *Tình trạng người phạm tội ở nước ta hiện nay và vấn đề tuyên truyền, giáo dục pháp luật*, Tạp chí Công an nhân dân, (số 10), tr. 56-58
18. Phạm Văn Tình (1996), *Cơ chế hành vi phạm tội, cơ sở để xác định nguyên nhân và biện pháp phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Kiểm sát, (số 1), tr. 18-21 và tr. 29-32
19. Phạm Văn Tình (2004), *Xác định rõ đặc điểm chuyên biệt của tình hình tội phạm do từng loại người phạm tội gây ra là một phương pháp khả thi và hữu hiệu trong việc nghiên cứu và đánh giá tình hình tội phạm*, Tạp chí Kiểm sát, (số 9), tr. 21-24.
20. Phạm Văn Tình (2008), *Nguyên nhân và điều kiện của tình hình tội phạm ở nước ta hiện nay – mô hình lý luận*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 6), tr. 79-84
21. Phạm Văn Tình (2010), *Quyền con người – Bản chất và cách tiếp cận khoa học pháp lý* – Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 12), tr. 60-65

22. Phạm Văn Tĩnh, Đào Bá Sơn (2010), *Đấu tranh với tình hình tội phạm chống người thi hành công vụ ở nước ta hiện nay*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
23. Phạm Văn Tĩnh (2011), *Khoa học pháp lý Việt Nam và yêu cầu nâng cao trình độ lý luận theo tinh thần Nghị quyết XI của Đảng*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 8), tr. 1-11
24. Phạm Văn Tĩnh và Nguyễn Văn Cảnh (2013), *Một số vấn đề tội phạm học Việt Nam*, Học viện Cảnh sát nhân dân, Bộ Công an
25. Phạm Văn Tĩnh (2014), *Tội phạm học Việt Nam – Một số chuyên đề đại cương cơ bản*, Tập bài giảng khoa Luật, Học viện Khoa học xã hội
26. Phạm Văn Tĩnh (2014), *Phòng ngừa tội phạm và chiến lược phòng ngừa tội phạm*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, (số 3), tr. 6-8.
27. Phạm Văn Tĩnh (2015), *Bài giảng phạm tội học*, Học viện Khoa học xã hội
28. Tòa án nhân dân Quận 1 (2013-2017), *Bản án của các vụ án tội cướp giật tài sản giai đoạn 2013-2017*.
29. Trần Hữu Tráng (2010), *Bàn về nguyên nhân tội phạm học*, Tạp chí Luật học, (số 11), tr. 43-51
30. Trần Hữu Tráng (2010), *Nạn nhân của tội phạm*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội
31. Trần Hữu Tráng (2011), *Nguy cơ trở thành nạn nhân của tội phạm*, Tạp chí Luật học, (số 10), tr. 55-63
32. Trường đại học Luật Hà Nội (2012), *Giáo trình Tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân
33. Phạm Văn Trung (2017), *Tội cướp giật tài sản trên địa bàn miền Đông Nam Bộ. Tình hình, nguyên nhân và giải pháp phòng ngừa*, Luận án tiến sĩ Học viện Khoa học xã hội.

34. Đào Trí Úc (1994), *Tội phạm học, Luật hình sự và Luật tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội
35. Đào Trí Úc (2000), *Tội phạm học Việt Nam, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Viện nghiên cứu nhà nước và pháp luật, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
36. Trịnh Tiến Việt (2008), *Khái niệm phòng ngừa tội phạm dưới góc độ tội phạm học*, Tạp chí khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội
37. Viện nghiên cứu Nhà nước và Pháp luật (1994), *Tội phạm học, luật hình sự và tố tụng hình sự Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia
38. Võ Khánh Vinh (2002), *Dự báo tình hình tội phạm, 1 số vấn đề lý luận – thực tiễn*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
39. Võ Khánh Vinh (2009), *Giáo trình tội phạm học*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội
40. Võ Khánh Vinh (2011), *Quyền con người*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội
41. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần các tội phạm*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội
42. Võ Khánh Vinh (2014), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam phần chung*, Nxb khoa học xã hội, Hà Nội
43. Nguyễn Xuân Yêm (2001), *Tội phạm học hiện đại và phòng ngừa tội phạm*, Nxb Công an nhân dân, Hà Nội.

PHỤ LỤC

Bảng 2.1. Mức độ tổng quan của tình hình tội phạm và tình hình tội cướp giết tài sản trên địa bàn Quận 1 giai đoạn 2013 – 2017.

Năm	Tình hình tội phạm		Tội cướp giết tài sản		Tỷ lệ%	
	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo	Số vụ án	Số bị cáo
2013	301	452	51	66	16,94	14,60
2014	362	499	70	89	19,33	17,83
2015	373	518	47	63	12,60	12,16
2016	451	611	26	30	5,76	4,91
2017	254	377	18	21	7,09	5,58
Tổng	1.741	2.457	212	269	12,18	10,95

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân Quận 1 giai đoạn 2013-2017)

Bảng 2.2. Cơ sở tội phạm và cơ sở tội phạm cướp giết tài sản trên địa bàn Quận 1 giai đoạn 2013 – 2017

Năm	Tổng số bị cáo phạm tội đã xét xử	Tổng số bị cáo phạm tội cướp giết tài sản	Dân số (người)	Cơ sở tội phạm	Cơ sở tội phạm cướp giết tài sản
2013	452	66	183.165	246,77	36,03
2014	499	89	192.543	259,16	46,22
2015	518	63	193.632	267,52	32,54
2016	611	30	201.923	302,59	14,89
2017	377	21	208.477	180,84	10,07
Tổng	2.457	269	979.740	1.256,88	139,75
Trung bình	491,4	53,8	195.848	250,78	27,95

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân Quận 1 giai đoạn 2013-2017)

Bảng 2.3. Diễn biến tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 giai đoạn 2013 – 2017.

Năm	Số vụ án	Số bị cáo	Tỷ lệ số vụ (%)	Tỷ lệ số bị cáo (%)
2013	51	66	100	100
2014	70	89	137,25	134,85
2015	47	63	92,16	95,45
2016	26	30	50,98	45,45
2017	18	21	35,29	31,82
Giai đoạn 3 năm	Số vụ	Số bị cáo	Tỷ lệ số vụ (%)	Tỷ lệ số bị cáo (%)
2013-2015	168	218	100	100
2015-2017	91	114	54,17	52,29

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân Quận 1 giai đoạn 2013-2017)

Bảng 2.4. Cơ cấu về mức độ của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 theo số dân 10 đơn vị hành chính cấp phường

Số thứ tự	Địa danh	Dân số (người)	Số bị cáo	Số dân/1 bị cáo
1	Phường Bến Nghé	16.688	34	490,82
2	Phường Bến Thành	16.743	36	465,08
3	Phường Cầu Kho	20.304	16	1.269
4	Phường Cầu Ông Lãnh	15.770	13	1.213,07
5	Phường Cô Giang	18.580	17	1.092,94
6	Phường Đa Kao	24.952	19	1.313,26
7	Phường Nguyễn Cư Trinh	29.766	21	1.417,42
8	Phường Nguyễn Thái Bình	14.978	16	936,12
9	Phường Phạm Ngũ Lão	22.176	83	267,18
10	Phường Tân Định	28.520	14	2.037,14
	Tổng số toàn quận	208.477	269	775

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân Quận 1 giai đoạn 2013-2017)

Bảng 2.5. Cơ cấu về mức độ của tình hình tội cướp giật tài sản trên địa bàn Quận 1 phân theo diện tích 10 đơn vị hành chính cấp phường

Số thứ tự	Địa danh	Diện tích Km2	Số bị cáo	Số bị cáo/ diện tích
1	Phường Bến Nghé	2,49	34	13,65
2	Phường Bến Thành	0,93	36	38,70
3	Phường Cầu Kho	0,35	16	45,71
4	Phường Cầu Ông Lãnh	0,23	13	56,52
5	Phường Cô Giang	0,36	17	47,22
6	Phường Đa Kao	0,99	19	19,19
7	Phường Nguyễn Cư Trinh	0,76	21	27,63
8	Phường Nguyễn Thái Bình	0,5	16	32
9	Phường Phạm Ngũ Lão	0,49	83	169,39
10	Phường Tân Định	0,63	14	22,22
	Tổng số toàn quận	7,73	269	34,80

2.6. Cơ cấu xét theo các bước thực hiện hành vi phạm tội

Các bước	Số vụ án	Số bị cáo	Tỷ lệ %	
			Số vụ	Số bị cáo
Một bước	10	17	4,72	6,32
Hai bước	154	186	72,64	69,14
Ba bước	57	66	22,64	24,54
Tổng	212	269	100	100

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân Quận 1 giai đoạn 2013-2017)

Bảng 2.7. Cơ cấu xét theo phương tiện gây án

Phương tiện gây án	Số vụ	Tỷ lệ %
Xe mô tô, xe gắn máy	195	91,99
Đi bộ	17	8,01
Tổng	212	100

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân Quận 1 giai đoạn 2013-2017)

Bảng 2.8. Cơ cấu xét theo thời gian gây án

Thời gian	Số vụ án	Tỷ lệ %
Sau 00 giờ - 06 giờ	40	18,87
Sau 06 giờ - 12 giờ	15	7,07
Sau 12 giờ - 18 giờ	57	26,88
Sau 18 giờ - 00 giờ	100	47,18
Tổng	212	100

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân Quận 1 giai đoạn 2013-2017)

Bảng 2.9. Cơ cấu xét theo địa điểm thực hiện hành vi phạm tội

Địa điểm	Số vụ án	Tỷ lệ %
Đường phố	191	90,09
Hẻm, trong nhà	21	9,91
Tổng	212	100

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân Quận 1 giai đoạn 2013-2017)

Bảng 2.10. Cơ cấu xét theo chế tài áp dụng

Hình phạt	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Phạt tiền	00	00
Cải tạo không giam giữ	00	00
Phạt tù nhưng cho hưởng an treo	09	3,34
Dưới 03 năm tù	201	74,72
Từ 03 năm đến dưới 07 năm tù	59	21,94
Từ 07 năm đến dưới 15 năm tù	00	00
Chung thân, tử hình	00	00
Tổng	269	100

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân Quận 1 giai đoạn 2013-2017)

2.11. Cơ cấu xét theo độ tuổi của bị cáo

Độ tuổi	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Từ đủ 14 đến dưới 18 tuổi	37	13,75
Từ đủ 18 đến dưới 30 tuổi	183	68,03
Từ đủ 30 đến dưới 45 tuổi	42	15,61
Từ đủ 45 trở lên	7	2,61
Tổng số	269	100

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân Quận 1 giai đoạn 2013-2017)

Bảng 2.12. Cơ cấu xét theo giới tính của bị cáo

Đặc điểm	Giới tính	
	Nam	Nữ
Số bị cáo	248	21
Tỷ lệ %	92,19	7,81
Tổng cộng	269=100%	

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân Quận 1 giai đoạn 2013-2017)

Bảng 2.13. cơ cấu xét theo nơi ở của bị cáo

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Nơi cư trú	Quận 1	21	7,80
	Nơi khác	239	88,85
	Không nơi cư trú	9	3,35
	Tổng số	269	100

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân Quận 1 giai đoạn 2013-2017)

Bảng 2.14. Cơ cấu xét theo trình độ học vấn của bị cáo

Trình độ văn hóa	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Mù chữ	15	5,58
Tiểu học	47	17,54
Trung học cơ sở	182	67,66
Trung học phổ thông	25	9,92
Đại học – sau Đại học	00	00
Tổng số	269	100

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân Quận 1 giai đoạn 2013-2017)

Bảng 2.15. Cơ cấu xét theo nghề nghiệp của bị cáo

Nghề nghiệp	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Không nghề nghiệp	175	65,05
Nghề nghiệp không ổn định	87	32,34
Nghề nghiệp ổn định	7	2,61
Tổng số	269	100

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân Quận 1 giai đoạn 2013-2017)

Bảng 2.16. Cơ cấu xét theo hoàn cảnh gia đình của bị cáo

Tiêu chí	Mô tả cụ thể	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Hoàn cảnh gia đình	Gia đình hoàn thiện	31	11,53
	Gia đình không hoàn thiện	238	88,47
	Tổng số	269	100
	Kinh tế gia đình thuận lợi	15	5,58
	Kinh tế gia đình không thuận lợi	254	94,42
	Tổng số	269	100

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân Quận 1 giai đoạn 2013-2017)

Bảng 2.17. Cơ cấu xét theo tình trạng hôn nhân của bị cáo

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Tình trạng hôn nhân	Đã kết hôn	49	18,22
	Chưa kết hôn	220	81,78
	Tổng số	269	100

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân Quận 1 giai đoạn 2013-2017)

Bảng 2.18. cơ cấu xét theo đặc điểm tiền sự, tiền án của bị cáo

Tiêu chí	Mô tả tiêu chí	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Tiền án, tiền sự	Phạm tội lần đầu	202	75,09
	Tiền án, tiền sự	67	24,91
	Tổng số	269	100

(Nguồn: Báo cáo thống kê của TAND Quận 1 giai đoạn 2013-2017)

Bảng 2.19. cơ cấu xét theo đặc điểm tái phạm, tái phạm nguy hiểm của bị cáo

Tiêu chí	Số bị cáo	Tỷ lệ %
Tái phạm	56	83,58
Tái phạm nguy hiểm	11	16,42
Tổng số	67=100%	

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân Quận 1 giai đoạn 2013-2017)

Bảng 2.20. cơ cấu xét theo giới tính của người bị hại và tài sản bị cướp giật

Số vụ án cướp giật tài sản	Giới tính		Tài sản bị cướp giật		
	Nam	Nữ	Trang sức	Điện thoại, máy tính	Ví, túi xách
212	39	173	31	119	62
Tỷ lệ %	18,40	81,60	14,62	56,13	29,25

(Nguồn: Báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân Quận 1 giai đoạn 2013-2017)